

CỎ THƠM

THÁNG 12, NĂM 2013

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN

<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHẢI.
PHAN KHÂM. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐĂNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯỜNG ANH THUY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VŨƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, B. Nguyễn Bạch, Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình,
Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, B. Đặng Thị Bội,
Ô.B. La Trung Chánh, B. Huỳnh Thị Chảnh, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, B. Nguyễn Hồng Cung,
Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn Lệ Dung, B. Huỳnh Dzung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Sencer,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào,
B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức,
Ô.B. Hoàng Cung Fa, B. Hồ Thị Gám, Ô. Ngô Tăng Giao, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Võ Thị Hai,
Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền,
Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, MS. Thương Hoff, B. Tôn Nữ Khánh Hội,
B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm,
Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, B. Diệp Xuân Hương,
B. Thùy Hương N.T.T, B. Quỳnh Khanh, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Trần Hiếu Lai,
B. Võ Lại, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Pháy, Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm,
Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô. Nguyễn Ngọc Liễu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
B. Vũ Thị Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam, Ô. Nguyễn Văn Nghi, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm,
Ô. Đặng Nguyên, B. Phan T. Nhẫn, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Nguyễn Tú Nhật,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng,
B. Kim Phụng, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San,
Ô. Trần Phi Sao, B. Le D. Sharpe, Ô.B Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân,
Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
B. Nguyễn Phương Thảo, B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy,
B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Nguyễn Đức Thụy, B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thử,
Ô. Nguyễn Minh Tiến, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, Ô. Nguyễn Toàn, Ô. Lê Văn Trạch,
B. Sarah Liên Trang, B. Trần M. Hoàng, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng, B. Tô Bạch Tuyết,
B. Đặng Ngọc Tú, ÔB. Phạm Văn Tuấn, Ô.B. Dương Xuân Tuyển, BS Phan Khắc Tường,
Ô. Hoàng Lý Văn, B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi,
Ô. Đoàn Ngọc-Xuân, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân,
Sovereign Realty, Inc, Harvest Moon Restaurant

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>		
<u>BIÊN KHẢO</u>			
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	10	KIM VŨ: Chiều Chủ Nhật	148
Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa		VŨ NAM: Ngày Tri Ân Thầy	158
PHẠM THỊ NHUNG: Trầu Cau trong	16	VŨ NAM: Ngày Tháng Nối Dài	161
Đời Sống Văn Hóa Dân Tộc		PHƯƠNG DUY TDC: Đam Mê ...	166
ĐẶNG THƠ THƠ: Tính Giấu Nhại	21	ĐỖ BÌNH: Những Cánh Chim Trời	172
và Tinh Thần Hậu Hiện Đại trong...		TRƯỜNG SA: Kỷ Niệm Với	177
NGUYỄN THÙY: Đoạn Trường	27	Anh Vũ Thái Hòa	
Tân Thanh, Tác Phẩm Tư Tưởng		PHAN ANH DŨNG: Thu Qua Lặng Lẽ	178
PHẠM VĂN TUẤN: Gunter W. Grass	48	Nỗi Buồn Để Nhớ Họa Nhạc sĩ Vũ Thái Hòa	
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Cơ và Những	56	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	187
Hình Thức Biểu Thị của Nó		Bên Hồ Hồ Hẹn	
<u>VĂN</u>			
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU:	42	<u>THƠ</u>	
Quan Niệm Về Sự Tạo Dựng Vũ Trụ		PHAN KHÂM: Đêm Đông	15
PHẠM XUÂN THÁI: Di Sản Để Lại...	63	HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT	15
Ỡ NGUYỄN: Loạn Ly	66	Ký Ưc Mùa Đông	
TRẦN TAM NGUYỄN:	78	NGUYỄN VÔ CÙNG: Mơ Buổi Đông Tàn	15
Thân Phận và Số Phận		MOTHOI: Nỗi Lòng	15
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Đường Về La Mã	86	TÂM MINH: Vô Thường	20
TIỂU THU: Vẫn Còn Mùa Xuân	93	NGUYỄN T. N. DUNG: Hoa Thơm	20
VÕ THỊ TRÚC GIANG LÚA 9:	101	PHAN KHÂM: Mẫu Số Chung	20
Sử Dụng Tiềm Năng Đúng Chỗ...		NGUYỄN PHÚ LONG: Vô Thường	20
ĐỖ PHÚ: Bóng Hình Xưa	108	LÂM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	26
TRƯỜNG ANH THỤY:	113	Mẹ Chắp Tay Cầu Quán Thế Âm	
Bướm với Nhiếp Ảnh		Nhớ Tuyết	
NGUYỄN LÂN: Kiếp Trầm Luân	119	KIỀU ANH: Thương Mãi Nắng Chiều	37
PHONG THU: Stephan và James	129	HỒ CÔNG TÂM: Bài Thơ và Bông Hồng	37
NGUYỄN MÂY THU:	136	NGUYỄN ĐỨC VINH: Nhấn Mùa Đông	64
Nỗi Lòng Rau Diếp Cá		HỒNG THỦY: Sầu Đông	64
		Ý ANH: Đà Lạt Ngày Trăng Mập	74
		ĐẶNG NGUYỄN: Đêm Đông	74

LÊ MAI LĨNH: Vườn Địa Đàng	100	TRẦN CHI PHÚC: Sài Gòn Em Ở Đó	128
DUY AN ĐÔNG: Ngắm Sự Đời	112	HUY LÂM: Hãy Đến Bên Nhau	156
HẠ THÁI T.Q.P: Chơi Cây Kiểng	118	VŨ THÁI HÒA: Năng Hạnh Vàng	182
LÝ HIẾU: Vườn Nhà	118		
NGUYỄN BẠCH: Chiều Đông Nhớ Nhà	126		
PHAN KHÂM: Con Đò Bến Cộ	127		
LÝ HIẾU: Ngẫu Hứng Lục Bát	127		
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Còn Đâu ...	127		
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	131		
Nửa Đêm Hiu Quạnh			
XUÂN BÍCH: Đêm	147		

GIAO ĐIỂM

TÂM MINH N.T.G: Khóan Thủ	38
DIỄM TRẦN: Những Lời Cầu Nguyện	75
LÊ MỘNG NGUYỄN: Với Mùa Xuân	100
Trở Lại – Avec Le Retour Du Printemps...	
PHẠM TRỌNG LỆ:	141
Lincoln's Gettysburg Address	

TRANH, HÌNH

THANH TRÍ: Chợ Tết Đầu Làng	01
NGUYỄN SƠN: Đông Về	39
ĐẶNG LỆ KHÁNH: Sinh Nhật Em...	41
THANH THANH: Your Birthday...	41
VŨ ĐÌNH TỬ: Tắm Suối	100
LIÊN PHƯƠNG: Hiver	147
SONG HÀ: Hoa Tết-Cúc Đỏ	168
Họa phẩm của VŨ THÁI HÒA	183
BUỔI PHÁT HÀNH CỎ THƠM 64	197
THANH TRÍ: Đôi Bạn	210

NHẠC

VŨ ĐỨC NGHIÊM: Sao Ngời Sáng...	46
TẠ BÌNH: Thấp Thoáng Anh Về	54

GIỚI THIỆU

HA NGUYEN & ASSOCIATES	02
BAN TRỊ SỰ VÀ BIÊN TẬP	03
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	04
MỘT THOÁNG 26 NĂM: Trần Cung Sơn	52
THIỆP MỜI KỶ NIỆM 19 NĂM	53
Sinh Hoạt Cỏ Thơm	
CA DAO: Nguyễn Văn Nhiệm	62
SOVEREIGN REALTY, INC.	92
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN	112
Tô Bạch Tuyết	
Các TÁC PHẨM của Dư Thị Diễm Buồn	135
PHÒNG KHÁM BỆNH	140
Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	
PHÒNG KHÁM BỆNH	146
Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	
HARVEST MOON RESTAURANT	207
PHIẾU MUA BÁO CỎ THƠM	208
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ	209
Ivan M. Waldman & Associates	

PHÂN ƯU

Nhạc Họa Sĩ VŨ THÁI HÒA	181
Nhà Thơ LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ	185



MÙA ĐÔNG NGUYỆN CẦU

Mùa Đông của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm theo lịch của Hoa Kỳ nghĩa là bắt đầu ngày 22 tháng 12 và ngày cuối cùng là 21 tháng 3. Trong mùa đông, có Lễ Giáng Sinh, có Tết Dương lịch, có Tết Âm lịch. Cho dù ngoài trời lạnh giá, tuyết băng nhưng chúng ta vẫn tìm đến nhau những ngày Lễ Tết, gửi cho nhau những cánh thiệp chúc mừng sức khỏe, hạnh phúc, tốt lành. Con cháu ở xa cùng cố gắng về thăm ông bà cha mẹ trong dịp được nghỉ làm, nghỉ học. Không gì vui bằng nhìn đám con trẻ trong những mũ áo khăn quàng len, bông, dạ, giầy ủng đủ màu sắc sỡ, nô đùa chơi trượt tuyết, ném tuyết.

Tết Giáp Ngọ sẽ là ngày 31 tháng 1, 2014, chúng ta không có chợ hoa Nguyễn Huệ, không có chợ Bến Thành, chợ Bà Chiểu, nhưng cũng có chợ Tết cộng đồng đủ tìm thấy một chút hương vị Tết quê nhà với đủ loại bánh mứt, hoa quả, bánh chưng, bánh tét. Thế nào chúng ta cũng phải mua chậu quất hay chậu cúc, đào hồng hay đào đỏ, mai vàng, huệ trắng. Chúng ta lại được thấy cây nêu cành pháo nổ đi đùng, ông táo quân đội mũ quan công, mặc áo thụng dài với quần soọc ngắn. Ông đọc sớ dài cả thước với nhịp trống Rock & Roll rất vui nhộn. Trẻ em mặc áo gấm, áo lụa riú rít đi bên cha mẹ trẻ. Bạc ông bà lại nhớ thuở nào mình cũng tíu tít đàn con ngày xưa nhỉ! Bạc cha

mẹ, ông bà ở ngoại quốc vẫn nhớ tập tục lì xì với tiền mới trong bao đỏ cho con cháu nhỏ, đôi má còn phúng phính, đỏ au...

Để mừng Tết Giáp Ngọ, Báo Cỏ Thơm số 65 đã chọn tranh bìa “Chợ Tết Đầu Làng” của họa sĩ Thanh Trí và tranh “Đôi Bàn” là một cặp ngựa thật hoa mỹ, sống động. Cỏ Thơm số này có những bài thơ tâm tình mùa đông của nhiều nhà thơ, tranh *Hiver* của Liên Phương mang không khí mùa đông tuyết lạnh ngoài trời nhưng ấm áp trong lòng người Cỏ Thơm. Bản nhạc Giáng Sinh của Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm với *Sao Ngời Sáng Đêm Xưa*.

Chúng ta vui hưởng hạnh phúc nhưng vẫn còn nỗi sốt sa cho những nạn nhân Phi Luật Tân đã trải qua trận hồng thủy Haiyan chưa từng thấy trong lịch sử nhin loại, làm chết đuối hơn 10 ngàn người, phá tan thành gần cả ngàn hòn đảo. Người sống sót không còn chỗ nào ở, không còn gì để ăn, uống, sống bên cạnh các xác chết la liệt. Tàn hại còn hơn chiến tranh.

Cộng đồng người Việt cũng như người Mỹ và toàn thế giới liên miên tổ chức các cuộc lạc quyên và kêu gọi trên TV, trên internet để quyên giúp nạn nhân thiên tai khủng khiếp chỉ thấy trong kinh thánh.

Vài ngày sau cơn hồng thủy Haiyan ở Phi Luật Tân, một cơn gió lốc xảy ra trên đất Mỹ cuốn sập cả một thành phố ở Tiểu Bang Illinois. Cảnh nhà cửa đổ nát vỡ vụn

cũng không khác gì bên Phi Luật Tân. Chỉ khác hơn là những người sống sót ở Illinois có ngay sự giúp đỡ của các tỉnh láng giềng và chính phủ.

Mùa thu vừa qua cũng không bỏ qua gia đình Cỏ Thơm. Chúng tôi vô cùng thương tiếc trước sự ra đi kể trước, người sau rất mau chóng của Nhạc Họa sĩ Vũ Thái Hoà và Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Thử làm chúng tôi ngơ ngẩn.

Mới ngày 20 tháng 5, anh Vũ Thái Hoà viết cho Ngọc Dung cái email như sau:

“Mến gửi chị Nguyễn Thị Ngọc Dung,

“Cảm ơn chị đã cho xem hình ảnh Sinh Nhật 18 năm của Cỏ Thơm. Quả thật là một thành quả tốt đẹp cho chị và ACE trong ban tổ chức ngày sinh hoạt này. VTH xin có lời chúc mừng Chị và gđ Cỏ Thơm. Chị Dung à, lúc này tôi bắt đầu về hưu rồi, nên tôi có nhiều thì giờ rảnh rỗi, và tôi có chút hiểu biết về tin học. Để cảm ơn những cảm tình của chị đã dành cho từ lâu nay, tôi sẵn sàng giúp thiết kế miễn phí cho Chị một trang Web cá nhân. Nếu chị đồng ý tôi sẽ liên lạc xin cho chị một phần đất trên Internet (Domain) **KHÔNG PHẢI TRẢ TIỀN THUÊ BAO** và trang Web sẽ được thiết kế đúng tiêu chuẩn Quốc Tế, có nghĩa là ở đâu mở lên cũng xem trang Web được và chị có thể đưa bất cứ cái gì lên trang đó như: Thơ, Văn, Nhạc, Hình ảnh, Video... cũng được và điều quan trọng hơn nữa là: trang Web được cài vào công cụ Tìm Kiếm trên Google.com và Yahoo.

“Nhân đây mời chị nghe 2 tình khúc của tôi mới được thu âm.

“NHÂN AI TÌNH SÀU Nhạc và lời: Vũ Thái Hoà, Tiếng hát: Diệu Hiền
“TỰ TÌNH VŨ THÁI HÒA Nhạc và lời: Vũ Thái Hoà Tiếng hát: Diệu Hiền.

“Thân chúc Chị và GĐ luôn luôn an lành, hạnh phúc. Thân mến.”

<<http://www.arts-vuthaihoa.blogspot.com>

* <http://www.vuthaihoa.webnode.com> *

<http://www.youtube.com/vuthaihoa>>“

Ngọc Dung rất cảm động khi nhận được thư trên của Anh Vũ Thái Hoà và suy nghĩ nhiều về việc này. Tôi muốn có một Website riêng cho mình lắm chứ. Nhưng tôi đã không có thời giờ cho riêng mình. Nếu tôi vướng vào Web, tôi không làm việc cho Cỏ Thơm được nữa. Ngọc Dung rất tiếc nhưng đành viết thư cảm ơn lòng tốt của Vũ Thái Hoà, xin khát một thời gian khi nào sửa soạn được nhiều bài vở thì xin bàn lại. Bỗng vào khoảng giữa tháng 8, Cỏ Thơm nghe tin anh ngã bệnh, phải vào nằm nhà thương. Khi nghe nói anh về nhà và vẫn liên lạc email với bạn bè được, chúng tôi viết thư hỏi thăm thì được anh trả lời anh bị cancer phổi và đang mệt lắm. Giữa tháng 10, chúng tôi được tin từ Nhà văn Nguyễn Mây Thu, đại diện Cỏ Thơm tại Paris cho biết bệnh tình anh Vũ Thái Hoà trở nặng. Ngày 20 tháng 10 Mây Thu email chúng tôi được tin Anh Vũ Thái Hoà đã từ trần đêm hôm trước. Chúng tôi đã biết sự này sẽ xảy ra nhưng vẫn lặng người mặc niệm một ngôi sao sáng của Cỏ Thơm bên trời Tây vừa tắt. Ngày đưa đám, văn thi hữu Mây Thu, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Đỗ Bình và Hồ

Trường An, những Hội Viên Cỏ Thơm, đi đưa tiễn và vĩnh biệt Nhạc-Họa sĩ Vũ Thái Hòa. Ảnh vòng hoa Cỏ Thơm phúng điếu do Mây Thu gửi về, được đặt trên Phân Ưu trang 175. Trong số báo này cũng có bài của Đỗ Bình, Trường Sa, Phan Anh Dũng viết về người quá cố tài ba.

Xin chân thành cầu chúc Anh Vũ Thái Hòa được yên bình đi về Nước Chúa và xin chia buồn cùng chị Vũ Thái Hòa và các cháu.

Một tin buồn nữa cũng đến cùng một lúc với tin Anh Vũ Thái Hòa. Vào khoảng tháng năm, Cỏ Thơm được tin Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Thử lâm bệnh. Chúng tôi email thăm hỏi thì được anh trả lời trong thư đề ngày 31 tháng 5: “ Lam Điền Nguyễn Thử thành thật cảm ơn chị đã có lời thăm hỏi và động viên. Tôi rất cảm động khi các bằng hữu từ xa gọi về thăm hỏi nhất là anh chị trong gia đình CỎ THƠM chúng ta. Bệnh của tôi thì Bác sĩ Mỹ đã bó tay rồi và tôi cũng chấp nhận đi xa trong vòng 6 tháng tới như chấp hành lời yêu cầu của bề trên. Tôi không lo buồn vì nhìn lại đời mình chưa từng có hành vi xấu ác và cũng được nhiều người thương mến. Tuy vậy, tôi sẽ dựa vào lời an ủi của chị để phấn đấu sống thêm, để được về dự Đại Hội Cỏ Thơm một lần nữa.”

Kèm theo thư là bài thơ “*Cánh Bèo Bên Sông*” và tiểu sử của tác giả mà Cỏ Thơm đã đăng trong số mùa hè, 63. Khi tôi viết thư xin bài cho số Mùa Thu, 64 thì chỉ được anh gửi cho bài thơ “*Cũng Thế*” ở dưới đề “North Carolina 6/2013”. Tôi mừng thầm anh vẫn làm thơ. Từ đó những thư thăm hỏi không được trả lời nữa.

Tôi nhờ Nhà Thơ Phan Khâm, Phó chủ Nhiệm ngoại vụ theo dõi hỏi thăm anh thì được biết bệnh anh đã trở nặng. Một người bạn thân của anh Nguyễn Thử xin tôi gửi tất cả những bài thơ, bài viết của anh để in vào một tập kỷ niệm Thơ Lam Điền Nguyễn Thử. Tôi làm tức thời và nhờ vị này có tin gì về anh thì cho biết ngay. Nhưng khi anh Phan Khâm được tin thì Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Thử đã qua đời từ 11 ngày rồi. Anh Phan Khâm lại điện thoại đi nhiều nơi, xin chi tiết để đăng Phân Ưu. Ôi, Anh Nguyễn Thử! Cỏ Thơm chỉ còn biết cầu chúc hương linh Anh sớm tiêu điều miền cực lạc. Thơ của Anh, hình ảnh của Anh còn đây mãi với Cỏ Thơm.

Ra đi là rũ sạch nợ trần. Chúng ta còn ở lại vẫn phải tiếp tục sống lành, sống tốt để khi từ biệt cõi đời hồn được thanh thản, không lo sợ sự chết.

Sau cùng, năm hết Tết đến, chúng tôi cũng xin trình bày một chuyện vui. Sang năm Giáp Ngọ, ngày 30 tháng 3, 2014, Cơ Sở Cỏ Thơm sẽ tổ chức kỷ niệm 19 năm sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật, tại Nhà Hàng Harvest Moon từ 11 giờ 30 sáng đến 3 giờ 30 chiều. Xin quý văn, thi, hoạ, nhạc sĩ, độc giả, thân hữu xem thêm chi tiết ở trang 53, xin ủng hộ tham dự đông đảo, và quảng cáo giùm để có đủ sở hụi lo toan làm báo Cỏ Thơm.

Kính chúc quý vị một mùa đông đầm ấm, an lành, những ngày Lễ Tết may mắn và hạnh phúc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp theo)

Chợ Sài Gòn

Ngày nay đứng trên Đại lộ Nguyễn Huệ trước Nha Ngân khố, ta hồi tưởng lại xưa kia suốt gần nửa thế kỷ nơi đây là cảnh chợ búa tấp nập. Chỉ trên mảnh đất vồn vện một héc-ta ấy đã có đến cả chục triệu lượt người hằng ngày lui tới vật lộn với cuộc sống.



Chợ Sài Gòn nhìn từ Đại lộ Charner (Khoảng 1905)

Trên một trăm năm trước, hầu hết các nhà du hành đến Hòn Ngọc Viễn Đông đều dành thiện cảm đặc biệt cho chợ Sài Gòn, đã đánh giá nơi này là một trong những khu phố ngoạn mục nhất, một địa điểm du lịch không thể bỏ qua. Tuy xây cất theo kiểu chợ Châu Âu, nhưng hàng hóa và cách tổ chức buôn bán mang bản sắc địa phương rõ rệt. Chỉ đi thăm một vòng khắp chợ là gần như thấy tất cả sản phẩm của Nam Kỳ. Mỗi ngày từ sáng tinh mơ đến chớm trưa, tại đây diễn ra một cảnh tượng sinh động, thể hiện qua sự hòa nhập văn hóa và ngôn ngữ của nhiều sắc dân, Việt, Hoa, Ấn, Mã Lai...

Nguyên khu vực dành xây chợ được gọi là Place du Marché, ngày nay nằm trong tứ giác Nguyễn Huệ - Phủ Kiệt - Võ Di Nguy - Ngô Đức Kế. Mặt tiền của chợ quay về phía Đại lộ Nguyễn Huệ. Chợ được xây cất vào khoảng năm 1864, cùng lúc bắt đầu nạo vét kinh Sa Ngư. Khi bắt tay vào công trình, phương tiện còn thiếu thốn, vật liệu được thu hồi từ ngôi nhà thờ vừa bị phá hủy gần đây (trên Đường Ngô Đức Kế hiện nay), và từ một khám đường cũ. Lúc ấy chợ là những nhà kho vừa lợp ngói vừa lợp lá trông có vẻ tồi tàn. Sau trận hỏa hoạn vào năm 1870, chợ được tái thiết, nền được lát gạch cho thích hợp với khung sườn sắt và cột bằng gạch. Khi toàn khu chợ hoàn tất có 5 nhà lồng xếp thành 3 hàng song song nhau. Mái nhà lồng lợp ngói, hai triền chính hình thang, hai triền đầu hồi hình tam giác. Trên đỉnh còn có một mái nhỏ che trên khe thông gió. Có lẽ do hỏa hoạn, nhà lồng ở góc Đường Amiral Roze - Charner (Phủ



Đường Adran (Võ Duy Ngụy), phía sau Chợ Sài Gòn (Khoảng 1910)

Kiệt - Nguyễn Huệ) được lợp lại bằng lá rêu lợp một lần nữa bằng tôn. Một phần đất của khu chợ nằm giữa hai nhà lồng phía Đường Adran (Võ Di Nguy) dành xây bốt cảnh sát.

Trong mỗi nhà lồng có một lối đi chính, hai bên là những dãy sạp xếp thành nhiều hàng. Mỗi nhà lồng chuyên về một nhóm sản phẩm như tôm cá, thịt thà, rau quả, hàng xén, v.v. Ngoài thực phẩm chợ còn bán cả bông hoa, thuốc lá, trâu cau, vải vóc, nón, giày dép, bút lông, pháo, lễ vật cúng tế và vô số món hàng khác được sản xuất trong nội địa hoặc tại Trung Hoa hay Châu Âu. Lạ lùng nhất đối với người Âu là quầy bán các món ăn đã nấu sẵn hoặc chế biến tại chỗ. Họ thích thú nhìn một bà lão đang đồ bánh xèo hay một cô gái đang nướng bánh tráng phồng. Ngoài các món cơm, bún, cháo, mì, hủ tiếu, xôi, chè, bánh ngọt, ... không thiếu những món đặc biệt như vịt quay, heo sữa quay. Những người sống bằng nghề mọn như sửa giày, mài dao, bán đồ đặc phé thái v.v. chiếm chỗ dưới mái chợ chia ra bên ngoài hàng cột.

Nhà lồng không đủ chỗ chứa hết các gian hàng nên người bán di chuyển ra phía bên ngoài chợ, lẫn cả lề đường, họ che nắng bằng dù hay bằng những tấm phên lợp lá. Tại các nhà hàng bình dân ngoài trời, ghé dài xếp quanh quầy thức ăn, trên ấy đặt sẵn mười chiếc đĩa nhỏ đựng các món xào nấu có vẻ ngon lành, bên cạnh một ấm trà to bốc khói nghi ngút. Những quán ăn này không có gì hấp dẫn khi bên cạnh đó mấy bác thợ hớt tóc đang hành nghề, rái lỗ tai cho khách hoặc thắt bím đuôi tóc cho vài người Hoa. Tuy thế vẫn có nhiều thực khách đến ngồi sát bên nhau để dùng bữa điểm tâm thanh đạm. Những đứa bé con xách chiếc thúng không, chạy theo năn ni

người đi chợ, mong được thuê mang dùm hàng hóa, đổi lại vài xu tiền công. Trong chợ ta còn thấy những người Ấn làm nghề đổi tiền ngoại quốc ra tiền Đông Dương để kiếm lời. Họ họp từng nhóm hai ba người ngồi xếp bằng trên sạp trái chiếu, có người chít khăn và chỉ khoát mảnh vải choàng qua vai. Trước mặt họ tiền được xếp thành từng chồng tùy theo loại đồng bạc, đồng xu hoặc xâu thành từng chuỗi nếu là đồng điệu. Ngoài việc đổi tiền, họ còn là chủ nợ cho vay nặng lãi. Những người Ấn khác, nhân viên nhà thầu hoa chi, đi tới đi lui đến từng người bán hàng để thu "tiền chõ" và trao lại mảnh giấy biên lai.



Đường Vannier (Ngô Đức Kế) bên hông Chợ Sài Gòn (khoảng 1905)

Các hiệu buôn trên đường phố dọc hai bên và phía sau chợ hầu hết đều do người Hoa làm chủ. Sinh hoạt buôn bán trong khu phố luôn nhộn nhịp, làm ta tưởng đến một khu đông dân tại Chợ Lớn, chỉ khác là có một số tiệm bán vải của người Ấn nằm trên Đường Vannier (Ngô Đức Kế). Dọc theo Đường Adran (Võ Di Nguy) phía sau chợ, hàng hóa chất đầy trong các cửa hàng chật chội, thiếu ngăn nắp. Tại quán nước ngoài trời, các phu xe kéo quây quần chung quanh chiếc bàn vuông, ngồi xôm trên ghế, thưởng thức ly cà phê đen... Phiên chợ bắt đầu từ năm, sáu giờ sáng. Đến trưa chợ thưa

dần, trời mỗi lúc một nóng, còn vài người khách cuối cùng hỏi hỏi ra về. Lúc trời sẩm tối, bàn ghế được sắp đặt đầy chung quanh chợ, tràn ngập lẽ đường. Trăm ngàn chiếc đèn lồng chiếu sáng rực rỡ, khu phố sáng trưng như ban ngày. Người đi kẻ lại tấp nập, họ đến đây ăn uống, nhậu nhẹt, mua bán, hiềm khi thấy cuộc cãi vả mà chỉ nghe vang những tiếng cười vui.

Từ lâu Hội đồng thành phố đã có chương trình biến bãi đầm lầy Boresse thành khu vực thương mại, có nhà ga cho đường xe lửa Xuyên Đông Dương và nhất là có cả ngôi chợ Bến Thành khang trang, hiện đại. Đúng vào lúc ấy ngôi chợ bên Đại lộ Charner đang có nguy cơ sụp đổ vì bị mục nát, nên chính quyền bắt đầu cho phá bỏ vào năm 1910. Khu chợ này bị san bằng trở thành một bãi đất trống. Năm 1915, tượng Ba Hình được mang từ Đại lộ Norodom về đặt tại đây, khai sinh ra Công trường Gambetta. Đến cuối thập niên 1920, tượng Ba Hình được dời về Vườn Bờ Rô, nhường đất lại cho tòa nhà Kho bạc mà hiện nay ta còn thấy.

Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm

Rời khu phố chợ, tiếp tục đi bộ theo Đại lộ Charner vào phía trong thành phố, chừng vài phút sau ta thấy Tòa Hòa giải ở về phía bên trái. Tòa nhà này nằm giữa các Đường Hamelin (Huỳnh Thúc Kháng) và Ohier (Tôn Thất Thiệp). Căn cứ theo bản đồ Brun 1799, xưởng gạch dưới triều Gia Long ở vào khoảng vị trí Tòa Hòa giải này. Được xây vào cuối thế kỷ XIX, theo kiểu kiến trúc đầu thời thuộc địa, tòa nhà không có nét gì đặc sắc, nhưng đáng được ta nhắc tới vì nó đứng trên nền cũ của một nhà thờ đã biến mất.

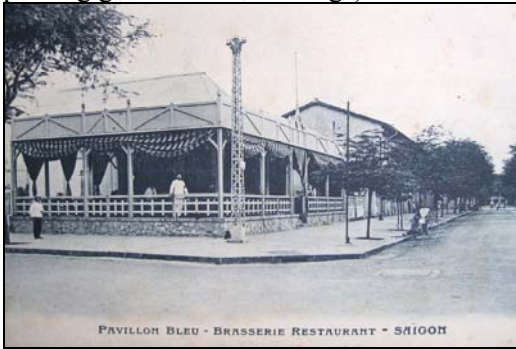


Tòa Hoà Giải (Khoảng 1907)

Khi Pháp mới xâm chiếm Sài Gòn, ngôi nhà thờ đầu tiên trong nội thành được xây dựng trên Đường Số 5 (Vannier, Ngô Đức Kế), do Đức Giám mục Lefebvre cho sửa đổi từ một ngôi chùa bỏ trống. Gần đây có căn nhà gỗ của cha xứ nằm bên bờ Kinh Chợ Vải. Khi chính quyền trung dụng đất xây chợ, nhà thờ và nhà cha xứ đều bị phá hủy. Năm 1863, Đô đốc Bonard cho đặt nền móng xây dựng một ngôi nhà thờ khác có tước hiệu là Đức Mẹ Vô Nhiễm (Sainte Marie Immaculée), tại nơi sau này là Tòa Hòa giải. Đức Giám mục Lefebvre cử hành lễ đặt viên đá đầu tiên, và hai năm sau làm lễ khánh thành. Ngôi nhà thờ được thiết lập theo họa đồ của Đại tá Coffyn, vật liệu chính là gỗ. Trước cửa vào có mười bậc thang, phân gian giữa gần cung thánh dành riêng cho người Âu, có ghế dựa bình thường, phần còn lại là những ghế băng gỗ. Nhà thờ có kích thước nhỏ hẹp, nên nhiều giáo dân người Việt chỉ có thể dự thánh lễ bằng cách đứng bên ngoài. Nhà cha xứ nằm ở phía sau nhà thờ, được xây bằng vật liệu thu thập từ nhà thờ cũ trên Đường Số 5. Tòa nhà gồm một tầng lầu, có cả chuồng ngựa và nhà cất xe. Chỉ mười năm sau (1874) Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm bị mối mọt gặm nhấm nên được dọn về phòng

khánh tiết của Dinh Thống đốc, trong khuôn viên của trường Taberd ngày nay và ở tạm tại địa điểm này đến 1877 mới được thay thế bằng Nhà Thờ Đức Bà hiện tại.

Từ Tòa Hòa giải nhìn thẳng ra ta thấy Đường Nguyễn Văn Thịnh, xưa mang tên là Église vì là con đường chiếu thẳng vào nhà thờ, sau này lần lượt đổi tên là Olivier và d'Ormay. Vào khoảng năm 1900, đầu đường phía bên phải có Quán Café de Provence và phía bên trái là Café de la Paix (Chỗ Khách sạn Palace hiện giờ). Gần bên Tòa Hòa giải, tại góc Đường Ohier - Charner, vào năm 1880 - 1890 có trường nữ học do bà Dussutour là hiệu trưởng. Bên cạnh trường học là phòng đấu giá (vào thời ấy cả hai bên đại lộ đều có phòng đấu giá mà người địa phương gọi là "nhà lạc xoong").



Nhà hàng – Quán rượu Pavillon Bleu, Thương xá Tax hiện nay (Khoảng 1910)

Ngã tư Charner - Bonard

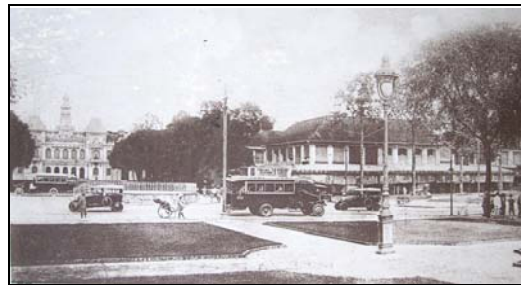
Trên Đại lộ vừa thành hình sau khi kinh bị lấp, chính quyền cho xây công viên, hai bên trồng cây làm đường đi dạo mát. Ngay giữa Ngã tư Charner - Bonard còn có "Bồn kèn", là một bệ cao hình bát giác bằng gạch trăm xi măng, chung quanh có chấn song. Hằng tuần lính Thủy quân Lục chiến đến đây trình tấu nhạc hùng hay nhạc khiêu vũ.

SỐ 65

Chỗ Thương xá Tax hiện nay, khoảng 1905 có Sở Canh nông, sau được dời về bên ngã tư Bangkok - Chasseloup-Laubat (Mạc Đĩnh Chi - Hồng Thập Tự) nhường chỗ lại cho Nhà hàng - Quán rượu Pavillon Bleu. Ở góc chéo đối diện với Thương xá Tax, vào thời đó có Nhà hàng - khách sạn Hôtel des Nations của ông Pancrazi, xây trên mảnh đất cũ của Công ty Montvenoux, chuyên lãnh thầu nạo vét kinh rạch tại Nam Kỳ. Trên cùng dãy phố này, gần cửa vào Hành lang Eden ngày nay, có Hiệu buôn Brun hoạt động từ những năm 1880, trong hơn nửa thế kỷ cha truyền con nối, trước làm nghề bán và sửa yên cương ngựa, sau còn bán cả xe đạp, phụ tùng xe hơi và cho mướn xe kéo. Theo cụ Trương Vĩnh Ký, vào đời vua Minh Mạng, tại vùng này có Giếng Chợ Vải.

Tòa Thị sảnh

Tòa Thị sảnh, còn gọi là Xã Tây, ở cuối Đại lộ Charner, là một kiến trúc mỹ lệ, thay thế Tòa Thị sảnh cũ nằm trên Đường Catinat gần Nhà Hát. Từ năm 1871 địa điểm này đã được Hội đồng thành phố chọn làm nơi xây cất Tòa Thị sảnh, nhưng do những bất đồng ý kiến, các họa đồ được chấp thuận lúc ban đầu đã bị sửa đổi, bãi



Ngã tư Charner – Bonard, nhìn về phía Toà Thị Sảnh (1920)

13

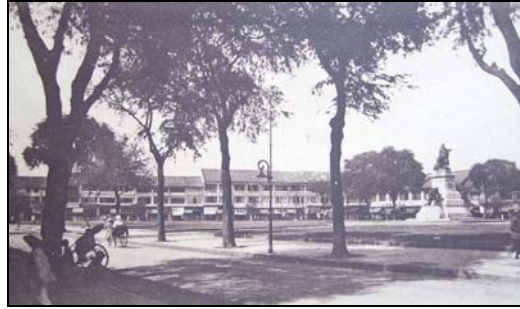
bỏ, thất lạc, v.v. Sau nhiều thời gian tranh cãi, rốt cuộc các ủy viên đồng ý thực hiện công trình đã dự định từ ba mươi năm trước. Trong lúc còn đang xây dựng, báo chí vẫn công kích về địa điểm, chi phí, đồ án, phong cách, v.v. Tòa Thị sảnh được xây từ năm 1901 đến năm 1908, theo họa đồ của Kiến trúc sư Gardès. Toàn quyền Klobukowski cắt băng khánh thành vào đầu năm 1909, nhân kỷ niệm 50 năm ngày Pháp đánh chiếm Sài Gòn.



Toà Thị Sảnh và Hotel des Nations, nhìn từ ngã tư arner-Bonard (Khoảng 1910)

Tòa nhà chính gồm hai tầng, giữa có ngọn tháp vươn cao. Hai cánh bên là tầng trệt nối dài, trên có sân thượng và hàng cột lan can. Phong cách kiến trúc thể hiện sự pha trộn hoàn hảo của nhiều khuynh hướng mỹ thuật. Việc trang trí bên trong và bên ngoài được ủy thác cho họa sĩ Ruffier, nhưng được nhà thầu Bonnet hoàn chỉnh. Qua hình ảnh duyên dáng của người phụ nữ, ba khung trán hình vòng cung trên mặt tiền nêu rõ ba biểu tượng: Thành phố Sài Gòn (ở giữa), Uy lực (bên trái), Thịnh vượng (bên phải). Tuy rằng một số ý kiến chỉ trích về mặt nghệ thuật như: tam cấp trước cửa quá thấp, cầu thang trung tâm vắng mặt

trong đại sảnh, tháp chuông quá nhỏ hẹp và



Công trường Gambetta và tượng Ba Hình trên nền chợ cũ, nhìn từ Đường Amiral Roze (Phủ Kiệt, khoảng 1920)

giống một chòi gác, v.v. nhưng bù lại phần bên trong Tòa Thị sảnh được trang hoàng tuyệt đẹp: kính màu, vành hoa, phù hiệu, v.v. Khắp cột Hy Lạp, đá giả cẩm thạch, vách tường và trần nhà đều được tô điểm hình hoa lá, trăng hoa, băng vải tô màu hoặc mạ vàng.



Toà Thị Sảnh (khoảng 1910)

Hơn một thế kỷ trôi qua, cảnh quan đô thị thay đổi rất nhiều, nhưng vẻ đẹp của Tòa Thị sảnh vẫn luôn hài hòa với chiều sâu phối cảnh của Đại lộ Nguyễn Huệ.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Còn tiếp)

ĐÊM ĐÔNG MƠ BUỔI ĐÔNG TÀN

xương (họa)

Đầy đũa nào rớt xuống đêm đông
Có thấy đường về lạnh lắm không
 Ngọn gió ào ào theo vách núi
Con mưa xối xả xuống dòng sông
 Ước mơ nổi lại vòng tay ấm
Mong mời ngồi bên bếp lửa hồng
 Run rẩy như cành cây trụi lá
Nơi nào đang được đắp chăn bông.

Biên biệt quê người đã mấy đông
Đường về sương khói phủ tầng không
 Sầu theo gió lạnh luân khung cửa
Nhớ quyện mưa phùn kín bãi sông
 Xót bước lưu ly vành lửa đỏ
Mơ ngày hội ngộ bếp than hồng
 Long lanh ngấn lệ hồi sinh ấy
Có thấy bao tình lại trở bông?

Phan Khâm Nguyễn Vô Cùng

KÝ ỨC MÙA ĐÔNG NỖI LÒNG

họa họa

Bắc lạnh lùng vào buổi cuối đông
Cánh cò lạc lõng giữa đồng không...
 Mưa sa lớp lớp che triền núi
Nước cuốn dồn dồn ngập bến sông
 Bếp nguội năm canh sao đủ ấm
Than tàn sáu khắc có đâu hồng
 Cây trơ cành ngã toi bởi lá
Thương phận nghèo nàn chẳng áo bông.

Lữ khách đường xa buổi cuối đông
Ai người thấu được nỗi niềm không?
 Ngày thì gọi gió nơi đầu núi
Tối lại dầm mưa nẻo cuối sông
 Vẫn mộng thu về...đôi mắt biếc
Còn mơ hạ đến...cặp môi hồng
 Chiều hoang tuyết lạnh -đời băng giá
Nhớ kẻ loan phòng, ấm nệm bông.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt Motthoi

TRẦU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Phạm Thị Nhung

Kỳ III

5. Nghệ Thuật Têm Trầu, Bỏ Cau

Chúng ta cũng nên biết, trầu cau không chỉ để ăn hay đãi khách hằng ngày mà còn được dùng làm tặng phẩm hay làm lễ vật trong các dịp cúng Phật, tế lễ thần linh, cúng gia tiên hay trong tang lễ, hôn lễ v.v... Lễ Phật và tế thần linh thì trầu phải để nguyên lá, cau phải để nguyên trái. Riêng lễ bàn thờ gia tiên thì bao giờ trầu cau cũng được têm sẵn để trong cối hay trên đĩa. Đặc biệt trong lễ cưới, từ miếng trầu đi xin dâu, trầu đặt trên bàn thờ gia tiên hay bàn thờ lễ tạ hồng, ngay cả trong các cối trầu để thết đãi bạn bè hay bà con họ hàng đều được chăm chút cẩn thận. Cau phải bỏ làm sao, trầu phải têm thế nào cho có nghệ thuật.

- *Cau non tiến chũm hạt đào*

Trầu têm cánh phượng rọc dao Lưu Cầu.

Tại sao thế ? Vì quả cau có cùi cứng, dao phải sắc bỏ cau mới mịn, trông mới ngon, cau già cũng tưởng là non:

- *Cau già, dao sắc lại non*

(Nạ dòng trang điểm lại giòn hơn xưa).

Dao sắc đã có, người ta bắt đầu rọc vỏ cau, nhưng phải khéo vì chỉ cắt vút đi chừng 1/3 vỏ phía dưới thôi, rồi tiến chũm. Xong đâu đấy, lấy loại dao tía thủy tiên

khắc hoa trên phần vỏ xanh còn lại. Quả cau rọc hoa hay không đều được bỏ dọc chia làm 5 hay 6 phần đều nhau, khi ăn thì trước bỏ chỗ vỏ xanh đi.

Muốn têm **trầu cánh phượng**, người ta gấp lá trầu làm hai theo chiều dọc, đoạn đưa một nhát dao hơi xéo vào hai bên phiến lá, khoảng từ giữa lá lên phía cuống, nhưng không được để đứt. Phần giữa lá, xếp hai bên mép lại cho thẳng như têm trầu ăn thường ngày, đoạn phết một chút vôi ở giữa, rồi cuộn tròn lại; sau đó châm một lỗ ở giữa cuộn trầu, xong, gài cuống lá vào cho chặt. Hai rẻo lá hình cong được cắt gần sát cuống lúc đầu, vì không cuộn nên vênh lên trông như hai cánh con chim phượng.

Hai rẻo lá hình cong vênh lên ở hai đầu cuộn trầu trông cũng giống hình vành trăng non lưỡi liềm, mà theo thần thoại Trung Hoa thì trên cung trăng nơi Hằng Nga ở có cây quế, nên cung trăng còn được gọi là cung quế ; do đó, trầu cánh phượng cũng được gọi là **trầu cánh quế**.

Têm **trầu cánh kiến** cũng vậy thôi, chỉ khác là thay vì rọc một đường khá rộng gần 1cm hai bên phiến lá thì người ta rọc làm hai, ba đường hẹp, rẻo lá vênh ra có nhiều



cánh nhỏ trông như những cánh của con kiến xòe ra vậy.

Ngày xưa người đàn bà nào mà chẳng biết tằm trâu, bồ cau? Nhưng tằm khéo hay không lại là một chuyện khác. Dù sao miếng trâu tằm có nghệ thuật cũng làm tôn được giá trị về nữ công, về tài khéo của người phụ nữ. Bởi thế, trong nhiều hội làng, theo tài liệu của Phan Kế Bính trong Việt Nam Phong Tục, người ta vẫn thường tổ

chức các cuộc thi tằm trâu bên cạnh các cuộc thi nấu cỗ, thổi cơm, làm bánh... để khuyến khích con em.

Miếng trâu tằm vô hình trung còn phản ánh cá tính của người tằm nó. Thật thế, nhìn hình ảnh cuộn trâu trông lũng bùng hay tròn trịa, mực thước hay bay bướm; lại qua hương vị của miếng trâu khi thường thức, nhạt hay vừa hay mặn vôi, cay thơm dịu dịu hay cay nồng vị quế, vị hồi mà đoán biết được phần nào tính nết chủ nhân của nó: cầu thả hay cẩn thận, vụng về hay khéo léo, giản dị hay cầu kỳ, điềm đạm hay nồng nhiệt ...

Chính nhờ miếng trâu tằm cánh phượng xinh đẹp, nhà vua trong truyện cổ tích Tấm Cám đã thấy lại những nét thân quen xưa mà nhìn ra vợ.

Chẳng những tính nết người phụ nữ lộ ra qua hình ảnh, qua hương vị miếng trâu tằm mà còn qua cách chọn mua từng lá trâu, quả cau nữa kia. Ca dao có câu :

- Mua cau chọn những buồng sai
Mua trâu chọn những trăm hai lá vàng.

Ngày xưa, những bà, những cô nhiều kinh nghiệm, khi đi mua cau thì cứ buồng nào sai nhất trước, sau đó mới kén đến quả; vì hễ buồng nào có được quả cau ngon là cả buồng đó đều ngon. Cau ngon là cau có dáng trái đào, vỏ màu xanh thùy ngọc

nhạt, được mệnh danh là vỏ mã lùa, cùi mềm, thịt trắng nõn và dày, hạt thì phơn phớt lòng tằm; nhai sẽ thấy giòn, sau lại dẻo và ngọt. Trái lại, cau nào vỏ xanh xẫm xỉt, thịt teo, hạt nâu đậm và có gân trắng là cau già, nhai sẽ thấy cứng và trát.

Mua trâu thì khác, phải kén từng lá. Lá trâu nào xanh xỉ là lá già (mọc gần gốc), ăn sẽ cay. Trái lại, lá trâu nào có màu xanh ngả vàng là trâu non (mọc phía ngọn), ăn sẽ thơm và cay dịu; trâu này được gọi là trâu vàng hay trâu ngọt, trong khi trâu xanh thì gọi là trâu cay.

Như thế đủ thấy, người phụ nữ này quả kỹ lưỡng. Chọn mua cau, mua trâu soát lá còn cẩn thận đến thế thì kén chồng phải kỹ đến đâu?

6. Miếng Trâu Trong Cách Ứng Xử Đối Với Tha Nhân

Từ việc dùng trâu trong vấn đề xã giao, người bình dân xưa đi xa hơn đến việc mượn trâu cau để nói lên quan niệm ứng xử và bày tỏ tình cảm của mình đối với tha nhân.

Đối với bạn bè, bà con láng giềng, tục lệ chia trâu cau trong Lễ Ván Danh (lễ ăn hỏi) cho khắp họ hàng cũng như cho bà con láng giềng và bạn bè đã nói lên đầy đủ quan niệm ứng xử của người xưa, coi tất cả đều là anh em một nhà, đều được chia vui (cũng như sẻ buồn) như nhau. Một khi đã coi nhau như anh em thì cách đối xử tất dựa trên tình cảm, yêu hay ghét cũng chỉ theo tình thân “chín bỏ làm mười”: yêu thì cho thêm một chút, ghét thì bỏ bớt một chút, chứ không thẳng thừng “cạn tàu ráo máng”. Thế nên:

- Yêu nhau cau bảy bỏ ba

Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười.

Cách ứng xử theo tình nghĩa này còn trải rộng đến khắp cả bà con trong làng, ngoài nước, nói chung về những người cùng một nòi giống, một dân tộc, vì tất cả đều là anh em ruột thịt, cùng một bọc mẹ Việt sinh ra. Từ ngữ “đồng bào” đã giải thích trọn vẹn ý nghĩa này. Và theo thiếu ý, đây chính là một truyền thống tốt đẹp nhất trong đời sống văn hóa dân tộc. Một truyền thống có giá trị tích cực, vĩnh cửu và phổ cập đến mọi tầng lớp trong xã hội.

. Đối với cha mẹ, qua miếng trầu, buồng cau người con gái tỏ được sự săn sóc và lòng hiếu kính.

Khi còn ở nhà thì:

Cau non khéo bổ cũng dày

Trầu têm cánh phượng để thầy ăn đêm.

Khi đi lấy chồng xa thì:

- *Ai về tôi gửi buồng cau*

Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

. Đối với người bạn trăm năm, công việc têm trầu cho chồng xoi hăng ngày đã được xem là một bổn phận không thể thiếu của người đàn bà. Những ai biếng nhác têm trầu để đến nỗi chồng thèm trầu phải đi nhờ cô bạn hàng xóm têm hộ:

- *Có trầu têm cho anh một miếng*

Anh có vợ nhà làm biếng không têm.

thì phải tự hiểu là đã bị chồng chê, và hạnh phúc gia đình có thể từ đó bị đe dọa.

Dưới con mắt người xưa, những người đàn bà sung sướng là những người đàn bà chẳng phải làm gì khác ngoài sự nhàn hạ, thanh thoi ngồi têm trầu để hầu chồng:

- *Có ấy mà lấy anh này*

Chẳng phải đi cấy, đi cấy nữa đâu.

Ngồi trong cửa sổ têm trầu

Có hai thằng bé đứng hầu hai bên.

Nói chung, người đàn bà yêu chồng, biết để ý săn sóc, chiều chuộng từng thói

quen, từng ý thích của chồng tất không bao giờ quên sửa soạn sẵn một đĩa trầu thật ngon, chờ chồng sau mỗi bữa cơm chiều:

- *Tôi đã biết tính chồng tôi*

Cơm thôi thì nước, nước thôi thì trầu.

Và những giờ phút hạnh phúc tuyệt vời nhất trong cuộc đời tình ái lứa đôi của họ chẳng là những giờ phút riêng tư, giữa đêm khuya thanh vắng, đôi vợ chồng cùng chung hưởng những miếng trầu ngon do chính tay người vợ tằm sẵn, dành riêng cho họ đó sao?

- *Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng*

Cau xanh ăn với trầu vàng xứng không ?

- *Trầu vàng nhá với cau xanh*

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời !

Hạnh phúc của người xưa giản dị thế đó nhưng cũng đầm thắm và mặn nồng biết bao!

Những khi người chồng có việc phải đi xa, bất kể vì công tác gì, thì người vợ dù có bận đến đâu cũng cố gắng lo chăm sóc thật chu đáo những gói trầu hay những túi trầu têm sẵn để tiễn chồng lên đường.

Này đây là người chồng sắp ra đi vì nghĩa vụ quân dịch, vợ chàng đã sửa soạn túi trầu cho chàng thế nào ?

- *Trời mưa nước dội dọc dừa*

Sắp tiễn anh trẩy bây giờ nàng ơi!

Quan trên có lệnh về đòi

Tôi vâng lệnh người, tôi phải bước ra.

Túi vóc mà cài bốn hoa

Hai tay hai túi mở ra, khép vào.

Cau non tiễn chũm hạt đào

Trầu têm cánh phượng rọc dao Lư Cầu

*Trầu em têm những vôi tàu **

Anh cất miếng trầu, anh bước chân đi.

Ngay người vợ quê nghèo nhất, không tiền mua vóc, mua gấm, không có tài thêu phượng, kết hoa may túi đựng trầu cho chồng, nhưng trong khả năng của mình,

nàng cũng cố chọn cho được mớ “trầu lộc” là những lá trầu ra lúa đầu vừa ngon, vừa quý, rồi cẩn thận bọc trong chiếc lá dứa, cốt bảo vệ cho trầu được tươi lâu để chồng mang theo:

- *Linh này có vua có quan
Nào ai bắt linh cho chàng phải đi
Nay trẩy Kim Thì, mai trẩy Kim Ngân.
Lấy nhau chừa được ái ân
Chưa được kim chi Tấn Tàn như xưa.
Trầu lộc em phong lá dứa
Chàng trẩy mười sáu, em đưa hôm rằm.*

Còn đây là một chinh nhân vào hàng võ tướng thì người vợ chăm chút gói trầu như thế nào khi tiễn chồng cất bước hành quân?

- *Trèo lên trái núi mà coi
Coi ông quân tượng cưỡi voi, đánh công.
Túi gấm cho lẫn túi hồng
Têm trầu cánh kiến cho chồng trẩy quán.*

Lại nữa, nếu người chồng là một anh đồ sắp lên đường ứng thí, người vợ muốn lấy lòng chồng sẽ o bế túi trầu tiễn hành ra sao?

- *Túi gấm cho lẫn túi hồng
Têm trầu cánh quế cho chồng đi thi.
Mai sau chàng đỗ vinh qui
Võng anh đi trước, em thì võng sau
Tàn quạt, hương án theo hầu
Rước vinh qui về nhà bái tổ
Ngã trâu bò làm lễ tế vua.
Họ hàng ăn uống say sưa
Hàng tống, hàng xã mừng cho ông nghè.*

Nếu chúng ta để ý tất sẽ thấy ngay là ở những trường hợp hai vợ chồng sắp phải chia xa, người vợ nào cũng cố đem hết tài khéo léo nữ công nữ hạnh của mình để sửa soạn cho chồng những miếng trầu đẹp nhất, đặc biệt nhất. Thôi thì trầu têm cánh phượng, thôi thì trầu cánh kiến, trầu cánh quế, đủ cả. Vì sao vậy? Vì nàng nào cũng hiểu rằng:

. Miếng trầu lúc này có giá trị của một tặng phẩm, biểu tượng cho sự may mắn. Nàng muốn chúc cho chồng nàng mọi sự hanh thông, mau chóng thành công đắc ý trở về.

. Miếng trầu lúc này vô hình trung gắn liền với hình ảnh của nàng. Trên bước hành trình vất vả của chồng, khi giờ trầu ra ăn, nhìn thấy miếng trầu xinh đẹp, ăn vào thấy lại hương vị thơm ngon nồng ấm quen thuộc, chồng nàng sẽ nhớ ngay tới nàng và cảm thấy được an ủi, tưởng như nàng vẫn luôn ở bên cạnh để săn sóc cho chàng.

. Miếng trầu lúc này sẽ gợi nhớ về những kỷ niệm yêu đương, gắn bó giữa hai vợ chồng. Khi xa nhau người ta mới dễ, mới thích hồi tưởng lại những kỷ niệm đẹp xưa, tình yêu vì vậy có cơ hội được hâm nóng và bồi dưỡng thêm.

Như thế, miếng trầu lúc này đã gói ghém, đã chuyên chở bao nhiêu tình ý của nàng đối với chồng. Và túi trầu được nàng trân trọng và âu yếm trao tặng cho chàng trong giây phút chia ly ấy sẽ nói dùm nàng tất cả.

Vâng tất cả đó sẽ giúp chồng nàng thêm nghị lực, thêm hăng hái hoàn thành nghĩa vụ một cách tốt đẹp, để sớm được trở về xum họp với nàng, người vợ yêu thương ở quê nhà, đang ngày ngày tha thiết mong ngóng chàng về.

Phạm Thị Nhung (Paris)

* Câu này đáng lẽ phải nói là:

- Trầu em têm những vôi “hầu”

Vì theo Thúc Nguyên (Vài nét về tục ăn trầu trên thế giới. Tài liệu riêng), vôi ăn trầu do việc nung đá vôi hay vỏ sò, vỏ hầu mà có. Vôi sò, vôi hầu ngon và hiếm nên quý, chứ vôi Tàu thì khác gì vôi ta, có gì là quý.

VÔ THƯỜNG MẪU SỐ CHUNG

Xương Họa

Lời vàng tỏa rạng khắp muôn nơi
Hãy ngắm thiên nhiên ngắm cuộc đời
Xuân tới lộc chồi vươn nét thắm
Hạ về hoa lá khoác màu tươi
Thu sang vàng vọt cảnh tàn úa
Đông đến trụi trơ cảnh rụng rơi
“Thành”, “Trụ” để rồi qua “Hoại”, “Diệt”
Vô thường vạn vật thể nhân ơi!

Rồi sẽ về yên nghỉ một nơi
Thời gian phân đoạn mỗi dòng đời
Cuối mùa đông đến trông tàn tạ
Đầu tiết xuân về thấy thắm tươi
Vật chất tiền tài như lá rụng
Công danh sự nghiệp giống mưa rơi
Cõi trần mẫu số chung như thế
Gào thét làm chi nữa... hỡi ơi!!!

Tâm Minh Phan Khâm

HOA THƠM VÔ THƯỜNG

Họa Họa

Rút ruột tơ tâm giảng khắp nơi
Dăm ba sợi rối để trên đời
Mong dân tộc Việt huy hoàng sáng
Chúc núi sông Nam rục rỡ tươi
Chiếc lá sàu bay làn gió cuốn
Vườn cây vui đón hạt mưa rơi
Hoa thơm thêu dệt vài bông thắm
Hỡi bạn làng thơ thân mến ơi!

Như thể bình thường khắp mọi nơi
Trăm năm dài ngắn ở trên đời
Sinh ra hi vọng nhiều trong sáng,
Lão đến chán chường cạn thắm tươi.
Bệnh tật giằng co còn phải khổ,
Tử vong níu kéo cũng đành rơi,
Thu Đông Xuân Hạ vòng vo mãi
Nào muốn luân hồi số kiếp ơi.

Nguyễn Thị Ngọc Dung Nguyễn-Phú-Long

TÍNH GIẾU NHẠI VÀ TINH THẦN HẬU HIỆN ĐẠI TRONG NHỮNG TÁC PHẨM CHƯA XUẤT BẢN CỦA HOÀNG ĐẠO

Đặng Thơ Thơ

20.07.2013

(Tiếp theo)

3. Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu- phỏng sự giả hay tiêu thuyết thật?

Kéo dài từ PH số 139 đến 159, mục tiêu của Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu (NCPVKTKH) là lật tẩy những nét giả dối, tiêu cực, và vô hiệu của chế độ quan trường, và đã phá những cách nghĩ đã bám rễ vào truyền thống văn hóa của người Việt. NCPVKTKH gồm 3 phần: Đi Thăm Mũ Cánh Chuồn phỏng vấn giới quan lại từ thượng thư Phạm Quỳnh đến tổng đốc Vi Văn Định và tổng đốc Hoàng Trọng Phu (sau hai bài phỏng vấn hai vị tổng đốc này thì PH bị đóng cửa mất 3 tháng). Đi Thăm Mũ Ni là cuộc điều tra các chùa chiền như chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá. Đó cũng là thời gian PH tường thuật nhiều tin không hay về tăng giới như thầy tu ăn thịt, làm tiền bằng cách bán thuốc phiện lậu, lấy tiền phật tử nhờ lên đồng, xuống xóm chị em bị bắt quả tang, sư có vợ, vợ sư có chùa, ở chung với sư trong chùa, vv.. qua những bài phỏng sự của Trọng Lang. Đi Thăm Mũ Giấy là cuộc phỏng vấn những người đã chết, trong đó có Không

Tử, Đức Phật, và Diêm Vương. Qua những cuộc đối thoại này, HĐ chất vấn giá trị của đạo Không, tính cách tiêu cực chịu đựng của đạo Phật, và những ý tưởng mê tín về đời sống sau cái chết. Đoạn đối thoại với Diêm Vương giếu nhại tính luân lý của sự trừng phạt ở một “kiếp sau” tường tượng:

“Trong một phố vắng, trước một cái vườn hoa trồng tường vi và dâm bụt, lâu đài của đức Diêm Vương trông có vẻ đồ sộ nguy nga. Chỉ hiềm lối kiến trúc giờ kim giờ cổ, làm tôi nhớ đến kiểu nhà bánh khảo ở cõi dương.

Đức Diêm Vương còn trẻ và có vẻ tân thời hơn tòa nhà lối trung dung của người nhiều. Người đương vận áo sơ-mi cắt tay, thấy tôi, bắt tay niềm nở chào hỏi:

- Ông tha lỗi cho, tôi vừa đánh xong một sét ten-nít. Ông có muốn đánh, tôi xin hầu.

Tôi cáo từ, hơi lấy làm ngạc nhiên. Đức Diêm Vương như biết ý, cười bảo tôi rằng:

- Ông không nên lấy làm lạ, nếu ông thấy một người mới như tôi còn ở một tòa nhà cũ kỹ và không có mỹ thuật. Nhưng hẳn ông biết, cá nhân tiến bộ bao giờ cũng chóng hơn hoàn cảnh.

Tôi lại càng ngạc nhiên. Một ông Diêm Vương mà ăn nói như một ông sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội!

- Cứ lấy sự kinh nghiệm còn non của tôi mà suy xét, người cõi âm không khác người cõi dương một tí gì.

Đức Diêm Vương mỉm cười trả lời:

- Ông vẫn chưa biết điều ấy ư? Ông há lại không biết rằng không phải vì hết thở mà tâm tính người ta thay đổi đi. Chết xuống cõi âm, người đời vẫn y nguyên như khi ở trên trần. Họ xuống đó thì họ lại đem những điều xấu của họ theo xuống. Sự chết thật không có ích gì cho họ. Ông để ý mà xem, ông sẽ lại thấy họ ích kỷ, tham lam, háms hư danh và ưa giả dối. Nói tóm lại, họ vẫn là người...

- Tôi ở trên trần vẫn thường nghe nói địa ngục là nơi trừng phạt những người có tội đối với lương tâm. Sự đó không có hay sao?

- Địa ngục chỉ có ở trong trí tưởng tượng người ta. Họ nói dối nhau để cho bớt cái tính tàn ác thiên nhiên của họ, chứ thực ra chúng tôi làm gì có thì giờ rồi mà xét đến công việc từng người chết xuống đây. Họ dọa nhau những hình phạt ghê gớm: như bỏ vạc dầu, cưa đôi người. Nhưng chúng tôi nào có ác tâm như họ đâu, mà lấy sự đau đớn của người khác làm sự vui sướng của mình. Thực ra thì chết xuống đây, người nào đem nét xấu của người ấy xuống là họ đã đem theo cái hình phạt của họ rồi..." (PH 155, ngày 27 tháng 9, 1935)

HE đưa ra một cách nhìn khác và một giải đáp khác mang tính triết học thông qua câu nói của Diêm Vương. Có thể hiểu rằng, nếu như có luân hồi, thì đó là sự luân hồi của tội lỗi, địa ngục nằm ngay trong kiếp này, trong con người mình, trong những tính xấu như ghen ghét, tham lam, nhỏ nhen, của chính mình. Sự giải thoát đích thực cũng nằm ngay trong bản thân, trong khả năng của con người khi muốn vươn tới những điều hướng thượng. Mục tiêu của Đi Thăm Mũ Giấy không phải để giễu nhại hay báng bổ thánh thần mà là lấy lại quyền tự chủ của con người từ tay thánh thần và trao

quyền ấy lại cho con người, làm họ mạnh mẽ hơn và đẹp đẽ hơn trong đời sống. Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu là một thiên phóng sự giả, trừ bài phóng sự Ông Nghị Linh- Một Quái Trang Ở Trong Nghị Viện (viết theo sự thực, PH 159, 25/10/1935). Như thế, dù có được nhìn nhận như một tiểu thuyết thật hay không, tập phỏng vấn này tự nó đã mang tính cách hậu hiện đại, ở chỗ nó tự xác nhận và cùng lúc tự phủ định bản chất của nó, là phỏng vấn, tức một cuộc hỏi đáp và trò chuyện giữa hai nhân vật có thật, hay cùng thời đại, và còn sống. Tính hậu hiện đại của NCPVKTkh nằm ở chỗ không thể tách rời nội dung tường thuật ra khỏi hình thức của thể loại, là phỏng vấn giả tưởng. NCPVKTkh kết hợp những yếu tố của văn hóa đại chúng, vừa tường thuật, vừa đối thoại kịch giễu nhại của Saturday Night Live trên đài NBC, vừa tựa tựa kiểu phỏng vấn và dẫn chuyện của đạo diễn Michael Moore trong Bowling for Columbine, hay Roger&Me, hay Fahrenheit 9/11. Trong những bộ phim gọi là "tư liệu" này, Moore đặt song song những dữ kiện thật và những tài liệu do ông "sáng chế". Việc ông tháo tung những trật tự trong bài diễn thuyết của một đối tượng và sắp đặt lại theo một logic khác, việc ông xử dụng phương pháp ẩn dụ, so sánh, chọn lọc chi tiết và sắp xếp lại theo một trình tự hợp lý riêng của tác phẩm, tất cả để nhắm đến mục đích chính là nói lên một sự thật theo cách hiệu quả nhất và tạo ấn tượng mạnh nhất. Thủ pháp này cùng lúc cho thấy những dữ kiện giả hay sự sáng tạo cũng đóng một vai trò quan trọng tương đương trong việc trình bày sự thật như là những dữ kiện thật. NCPVKTkh của HE cũng mang hình thức diễn đạt của loại phim

tư liệu “giả” tuy dựa trên sự kiện có thật. Với giọng điệu đùa cợt, nửa hư nửa thực, tạo nghi vấn cho người xem và đọc, HĐ đã làm một điều tương tự như Moore, từ hơn bảy mươi năm trước, qua thủ pháp cắt ráp ngôn ngữ, hình ảnh, và phát biểu của những nhân vật được phỏng vấn. Vẫn với phong cách hậu hiện đại không coi mọi thứ quá trầm trọng, HĐ muốn làm bật lên sự tương phản giữa giả và thật, giữa lời nói và việc làm, tính cách giả trá của chính trị, thủ đoạn, các âm mưu thực dân, sự thỏa hiệp của trí thức, sự nhu nhược của nghị viên và triều đình, và sự tha hóa của cái gọi là truyền thống, tôn giáo, và ý thức hệ Không Nho.

4. Trước Vành Móng Ngựa, khi một thể loại bị đưa ra xử án.

Trong bối cảnh văn học thập niên 1930 cho đến 1975 ở VN, tập Trước Vành Móng Ngựa (TVMN) được nhìn như một ghi chép ở tòa án. Có thể đọc nó như phóng sự tường thuật. Có thể “coi” TVMN như từng màn xử án riêng rẽ, có thể “xem” nó như kịch bản, và cũng có thể đọc chung tất cả như đọc một tiểu thuyết với nhiều nhân vật chung một chủ đề xuyên suốt.

Lối đọc tôi muốn thử nghiệm là “xem” TVMN như một tổng thể với những phân cảnh cắt và ngưng mang hiệu ứng điện ảnh và tâm lý. Với cách đọc như thế, tổng thể TVMN là câu chuyện dài về chế độ tòa án thời Pháp thuộc, nhân vật tái xuất hiện trong tất cả những chương hồi là viên chánh án, người thông ngôn, lục sự. Những nhân vật thay đổi trong từng chương khác nhau là những bị cáo trong phiên tòa. Những màn xử trong tòa án đầy người đọc vào ngay tâm điểm ngôn ngữ của nhân vật, khác với lối viết như một tường thuật mang tính tự sự.

SỐ 65

Khi chúng ta đã rơi vào không khí của phiên tòa, giọng kể trong TVMN sẽ biến mất, đầy người đọc trở thành người xem, người tham dự buổi xử án, trực tiếp nghe nhìn màn kịch ở trước vành móng ngựa:

“Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử “tù rượu”, nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi băng khuâng hơn.

Một giầy người khôn khổ, ốm yếu, áo nâu tả, váy đụp, không dám ngời hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mặt ghế của nhà nước, một giầy người hốc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy, nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thảm cái phủ quý của những người khác.

- Mày có nấu rượu lậu không?

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Phạt hai nghìn quan tiền tây.

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, và nhiều chỗ. Anh ta đã rời vành móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng đều vô ích, nên lại bước chân đi.

- Mày có cơm rượu lậu không?

- Bẩm, con không nấu rượu lậu...

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão, kêu van:

- Bẩm, con già nua, quan thương cho.

Viên thông ngôn:

23

- Già nua mặc kệ, về việc đòan, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thở dài, nước mắt rung rung muốn khóc, cổ van lớn:

- Bấm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con giả?

Viên thông ngôn:

- Tòa xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi. Đi ra!

Thấy bà lão còn trù trù, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đầu! Lôi nó ra!

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, áo tứ thân rách, váy đụp, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mày có com rượu lậu không?

- Bấm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bấm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bấm, ruộng con cách xa nhà con lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không?

- Bấm không.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kể tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông Chánh án không mấy khi phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy:

- Bấm, con tàn tật...

- Tàn tật mặc anh. Có com rượu lậu không?

- Bấm có.

- Anh đã bị cáo hai lần rồi. Sao lại còn tái phạm?

- Bấm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt.”

(Ngày Nay số 5, ngày 10 tháng 3 năm 1935)

Người đọc trở thành người đến xem từng phiên tòa xử, mở ra với một vụ án và đóng lại với một bản án. Tất cả những màn xử vừa đứng độc lập vừa nằm trong chuỗi liên kết của tổng thể là bản cáo trạng về chế độ thuộc địa và những luật lệ vô nhân áp đặt lên người dân bản xứ. Những phần cắt nối tạo ấn tượng về một sự liên kết ngầm mà người xem/ người đọc giữ nhiệm vụ tự suy diễn và giải mã. Sự cắt hay đóng một phân cảnh và nối tiếp với một phân cảnh khác trong tòa án có tác động thị giác của kéo màn và hạ màn trên sân khấu. TVMN như vậy là một tổng thể bị nứt rạn, rất gần với những tiểu thuyết đương đại vì tính cách phân mảnh, đứt quãng, và (dường như) thiếu sắp đặt trước. Về hình thức của thể loại, việc xử lý cắt/ rập/ nối của tập phóng sự cho thấy tính linh động và năng động trong cấu trúc của một tập hợp (dường như) không theo trật tự nào: người đọc có thể bắt đầu ở bất kỳ một màn kịch nào, không có sự ưu tiên, tất cả các màn kịch đều có giá trị tương đương, tạo ra vô số văn bản tùy theo cách đọc, nhắc nhở đến tính cách bất ngờ và bất chợt của tập hợp những hiện thực và kinh nghiệm trong đời sống.

Tính cách trực tiếp không bị tác giả hay người kể chuyện chen vào giữa người đọc và nhân vật khiến TVMN ở lưng chừng giữa các thể loại phóng sự, văn xuôi, tiểu thuyết, kịch, và nghệ thuật thị giác cùng lúc.

Kết luận:

Việc khó định dạng và phân loại những tác phẩm kể trên đến từ việc chúng không thuộc cố định vào một thể loại, mà chúng tham dự vào nhiều thể loại cùng lúc. Và

CỎ THOM

điều này là một đặc điểm của văn chương hậu hiện đại. Một trong những quan tâm của người viết đương đại là hình thức diễn đạt. Sự thương lượng/cân nhắc/chọn lựa hình thức diễn đạt thể hiện tương quan của người viết với hiện thực. Tương quan giữa HĐ với hiện thực là tương quan của một người am hiểu luật và chất vấn những bất công trong luật pháp. Với tương quan ấy, hình thức diễn đạt thích hợp nhất có lẽ là nhìn và trình bày mọi thứ dưới ánh sáng giễu nhại, đả kích, châm biếm, mỉa mai. Hoàng Đạo viết *Hậu Tây Du* hay *Những Thiên Phóng Sự Không Tiên Khoáng Hậu*, không hề đả kích là một cá nhân nào, mà nhắm tới việc mở ra những phán đoán mới, thúc đẩy và khuyến khích những thảo luận mới về sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội, với tính hệ thống, cơ chế của một xã hội nệ cổ và được hậu thuẫn của chế độ thuộc địa. Người chọn thể loại giễu nhại là kẻ mang tâm trạng canh thức và báo động về mọi biến cố đáng cảnh giác trong xã hội, đời sống, hiện tượng, và con người. Họ cảm thấy hồi thúc phải thể hiện thái độ phản kháng. Họ viết không phải để thỏa mãn tâm trạng cá nhân, mà viết với quan tâm cho công chúng, người đọc. Nhiều khi người viết phóng sự giễu nhại không được nhìn nhận chính thức như một nhà văn. Nhưng thực sự họ là nhà văn, họ là nghệ sĩ, người nghệ sĩ che dấu nghệ thuật của họ dưới hình thức hài hước. Những nghệ thuật ấy bao gồm việc so sánh một cách táo bạo, ẩn dụ, tượng hình, lật mặt nạ, làm lộ tẩy, khắc họa chân dung những nhân vật, chọn lọc và xếp đặt với mưu đồ tạo kịch tính. Do đó, tất cả những biện pháp nghệ thuật của Hoàng Đạo là những kỹ thuật để viết tiểu thuyết dù ông đang viết phóng sự, như trong cuốn *Trước*

SỐ 65

Vành Móng Ngựa, hay khi ông thực hiện cuộc phỏng vấn tưởng tượng trong *Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiên Khoáng Hậu*, hay khi ông viết lại một câu chuyện liên văn bản từ văn hóa đại chúng trong trường hợp *Hậu Tây Du* và *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Nói như vậy không có nghĩa là những sáng tác này là những tác phẩm hậu hiện đại. Nhưng với con mắt đã quen nhìn, đọc, và xem hậu hiện đại, chúng ta sẽ phát hiện ra những thuộc tính HĐ trong những văn bản cũ, như trường hợp cuốn *Don Quixote* của Cervantes đầu thế kỷ 17 hay *Tristram Shandy* của Lawrence Sterne vào thế kỷ 18. Cuối cùng, sau một tháng “khai quật” những gì HĐ đã viết từ PH-NN, cho đến lúc này, con người HĐ toàn diện vẫn còn là một tảng băng ngầm, những gì chúng ta biết đến HĐ vẫn chỉ là một lớp băng mỏng trên bề mặt (nhận định của nhà văn Phạm Phú Minh). Tiểu luận này nằm trong nỗ lực khai phá dần tảng băng ngầm ấy.

ĐẶNG THƠ THƠ

Tài liệu Tham Khảo:

- Dentith, Simon. *Parody*. London: Routledge, 2000. Print.
- Hutcheon, Linda. *A theory of parody: the teachings of twentieth-century art forms*. New York: Methuen, 1985. Print.
- Thế Uyên. "Đọc và Đặt Lại Vị Trí Hoàng Đạo." *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 74-87. Print.
- Thụy Khuê. "Hoàng Đạo, Người Trí Thức Dân Thân." *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 28-36. Print.
- Võ Hồng. "Gặp Tự Lực Văn Đoàn." tạp chí Văn 107&108

25

MẸ CHẤP TAY CẦU QUÁN THẾ ÂM

Đất khách, chiều phai, đọi nắng hồng.
Giá băng trùm kín, ngợp trời đông.
Chao ơi vắng lặng, làm thương nhớ.
Một cõi ân tình cách núi sông.

Bếp ấm ngày thơ, chiều cuối năm.
Đêm đen, bão giạt với mưa dầm.
Nén hương đã tắt, ba về muộn.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Mẹ ước rào thưa chuyện đá vàng.
Cho con vừa chớm tuổi mười lăm.
Có cô tóc mượt, hồng đôi má.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Rồi cũng mù tằm, cũng biệt tằm.
Thương con đứt ruột, cảnh giam cầm.
Một thân, luống tuổi, đường xa lạ.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Đất khách, chiều nay, nỗi nhớ thẳm.
Bao lần hứa hẹn chẳng về thăm.
Mẹ ơi con biết trên giường bệnh.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Lam Điền Nguyễn Thử

NHỚ TUYẾT

Mặt đất buồn hiu đọi nắng hồng
Tuyết bay buồn suốt một mùa đông.
Em ơi ánh tuyết làm thương nhớ.
Một cõi chân tình cách núi sông.

Anh đã tìm em quá nửa đời.
Vừa mừng gặp lại đã đôi nơi.
Phút giây trinh trắng rồi tan biến.
Anh biết làm sao hỏi đất trời.

Trời đã không vui, đất cũng sầu.
Đất trời đôi lúc cũng quên nhau
Từ nay cho đến ngày tro bụi.
Anh chẳng bao giờ quên Tuyết đầu.

Lam Điền Nguyễn Thử
(Charlotte)



‘Đoạn Trường Tân Thanh’ Tác phẩm Tư tưởng

(tiếp theo kỳ trước)

NGUYỄN THÙY

Trong Tam Nguyệt San ‘Cỏ Thơm’ (số 62-Mùa Xuân 2013), người viết đã nêu ra hai điểm đầu tiên chứng tỏ ĐTTT là tác phẩm Tư Tưởng : 1) Tại sao Nguyễn Du dùng nhan đề ĐTTT ?, 2) Lý do Nguyễn Du phóng tác quyền ‘Kim Vân Kiều truyện’ của Thanh Tâm Tài Nhân. Trong bài này, người viết xin nêu những sự việc trong tác phẩm để chứng minh ĐTTT là tác phẩm tư tưởng.

I.- ‘Tử’ và ‘Sinh’ tương tại đồng thời, song song, trái ngược :

Kết thúc của tác phẩm liên hệ đến ba nhân vật trong truyện : Đạm Tiên, Kim Trọng và Thúy Kiều. Cả ba nhân vật nói lên cái lẽ ‘Tử Sinh’ trong vòng tại thế.

* Đạm Tiên, hồn ma người quá cố, hình ảnh của tang tóc, đoạn trường, chết chóc, vây phủ Kiều màu đen, sắc tối, nhắc nhở năng cái bất lực của con người, cái vô hiệu của mọi tính toán vượt thoát cảnh đời ngang trái, trầm luân.

* Kim Trọng, hình ảnh thực tại, sống động, hình ảnh cuộc sống hiện thực tươi vui, êm đềm lúc nào cũng lôi kéo Kiều vọng tưởng, ước mơ, tìm về, gặp lại.

‘**Âm cảnh, Dương trần**’, hai cõi, hai nơi, hai cuộc sống, hai cảnh đời song song, trái ngược hầu như lúc nào cũng tương tại đồng thời nơi Kiều, dù đôi lúc không hiện

về thực sự trong tâm tưởng thì vẫn hiện diện qua lời than, tiếng khóc, nỗi nhớ, niềm hoài. Hai hình ảnh của **Chết và Sống**, của **Tử và Sinh** xuất hiện nơi Kiều không cách xa nhau mấy, cùng trong buổi chiều, cùng trong ngày Thanh minh sau buổi Lễ Hội.

Hình ảnh **Đạm Tiên** gợi cho Kiều cái ám ảnh của đoạn trường, bạc mệnh, cái bạc bẽo vô nghĩa của cuộc đời. Cái ‘bây giờ’ của Đạm Tiên nơi Kiều là là một hiện tại của một quá khứ bi thương : ‘*Thấy người nằm đó, biết sau thế nào !*’. Hình ảnh Đạm Tiên là hình ảnh của cái Cộng nghiệp người, của giới đàn bà theo dõi đời Kiều, mượn qua Kiều mà thị hiện : ‘*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*’. Đạm Tiên, hình ảnh của quá khứ được ‘thực tại hóa’ nơi Kiều. Đây là hình ảnh cuộc đời, cuộc đời thực sự đang và sẽ diễn ra ; đây là cuộc sống tại thế của mỗi người dù Kiều, Kim, Vân, Quan, Thúc, Hoạn, dù Mã Giám Sinh, Từ Hải, Bạc Bà, Bạc Hạnh,..., dù là mỗi chúng ta hiện nay, dù là ai khác trong ngày tới.

Kim Trọng, ngược lại, hình ảnh của hạnh phúc sáng lạng, tươi vui, hình ảnh của thông giao, tri ngộ, hình ảnh của gắn bó, dựng xây, đồng hợp ‘sáng tạo’ cho nhau. Kim Trọng, hình ảnh của cái **Sống** náo nức, rộn ràng, của con tim sống động, hình ảnh của hiện thực, của niềm tin, của sức sống bây giờ và ngày tới. Kim Trọng, hình ảnh hiện thực bị đẩy xô về quá khứ để lại được ‘tương lai hóa’ nơi Kiều. Hình ảnh hiện thực trở thành mộng và mơ. Niềm mơ, con mộng

lại trở thành hiện thực để lại mất đi trong hiện thực, rồi lại trở thành mộng và mơ leo đèo bay bay trong dòng sống hiện thực của Kiều (cho mãi đến lúc Kiều tắt hết ý chí và nghị lực để sống phải tự tử nơi sông Tiền Đường). Kim Trọng biến thành tiếng gọi, lời mời để Kiều vọng về hầu có nghị lực chịu đựng mọi ma nghiệt, trầm luân.

Tử và Sinh, Chết và Sống, Thực và Mộng, qua hai hình ảnh Đạm Tiên, Kim Trọng luôn luôn hiện diện nơi Kiều nhưng cái xa xôi lại cận kề, gần gũi, cái cận kề gần gũi lại lãng đàng, xa xôi. **Đạm Tiên, hình ảnh viễn ly mà cận lập ; Kim Trọng, hình ảnh cận lập mà viễn ly** (phỏng theo M ; Heidegger : ‘la proximité du lointain, le lointain proche’). Hai hình ảnh trái ngược mà đồng hành, tương phản mà tương tại, nghịch chiều mà từng lúc giao thoa nơi Kiều. Đạm Tiên, hình ảnh quá khứ mà thực tại, hình ảnh cuộc đời đau khổ trước mắt. Kim Trọng, hình ảnh thực tại bị đẩy lùi về quá khứ để dịch chuyển về tương lai nơi Kiều, hình ảnh tạo động lực, niềm tin và hình bóng chấp chờn của hạnh phúc.

Kiều và cả chúng ta không thoát ra khỏi hai hình ảnh đó. ***Không riêng Kiều, mỗi chúng ta đều có một Đạm Tiên của mình và một Kim Trọng cho mình.***

Đạm Tiên, Kim Trọng, Thúy Kiều, bộ ba này cặp kè, tương tại và đồng hành. Bộ ba này là toàn bộ cơ cấu của sinh hoạt con người. **Đạm Tiên**, con người trừu tượng, cái tôi xã hội, cái tôi tại thế của hữu thể, cái ‘tôi cộng nghiệp’, cái ‘tôi khách thể’ (le moi-objet) trong dòng đời. **Kim Trọng**, cái tôi siêu vượt nơi Kiều, cái ‘tôi tín ngưỡng’, cái ‘tôi thăng hoa’ (le moi transcendantal), cái hướng lực đi dạt hiện thể qua từng chặng đường của cõi tại thế.

Thúy Kiều, cái tôi tự do, cái ‘tôi chủ thể’ (le moi-sujet), cái tôi biệt nghiệp trong dòng cộng nghiệp. Hiện hữu là trường chấp tranh miên viễn giữa ba cái ‘Tôi’ đó. Thân phận con người thể hiện qua mỗi chấp tranh đó. Không có mỗi chấp tranh đó thì cuộc sống tại thế không có ý nghĩa gì, không có thành tựu gì và xã hội nhân loại chẳng có tiến bộ, văn minh, văn hóa và cả tiến hóa nữa.

Khoảng cách xuất hiện giữa Đạm Tiên và Kim Trọng, giữa Chết và Sống không xa khiến ta có thể nghĩ rằng tác giả để hai hình ảnh (dù đã có sẵn nơi tác phẩm của Thanh Tâm Tài nhân) cặp kè, cận lập, không phải thay chỗ cho nhau mà cùng đồng hành song song và chỗ cuối cùng để gặp là chỗ tan hóa hình ảnh này vào hình ảnh kia, hay đúng hơn, cả hai tan hóa vào nhau, tạo nên cảnh sống lại của Kiều không còn Đạm, không còn Kim với ý nghĩa buổi ban sơ phùng ngộ, cảnh sống ‘Có trong Không’, cảnh sống ‘Hữu Dư Niết Bàn’ theo từ ngữ nhà Phật (người viết hiệu ‘Hữu Dư Niết Bàn’ không theo Sư Nhất Hạnh cùng các học giả Phật học trước nay). Từ đó, ta hiểu tại sao vãi Giác Duyên đã ‘*mây bay hạc lánh biết là tìm đâu*’, không cho Kiều gặp để Kiều không trở thành ni cô, sư nữ. Kim Kiều đã sống trong trạng thái đó, trạng thái ‘*Có trong Không*’, trạng thái ‘*Bất trụ vô vi, bất tận hữu vi*’ của nhà Phật. Nguyễn Du đã hiểu lời Phật không như chúng ta hiểu lâu nay.

Một điều cần đề ý thêm hầu bổ túc thêm cho những điều vừa nói : tác phẩm đã mào đầu đời Kiều bằng một ‘**Ngày Vui Lễ Hội**’ để kết thúc cuộc đời đoạn trường của nàng cũng bằng một ‘**Ngày Vui Lễ Hội**’ không giống trước. Đây là chỗ kỳ lạ của

câu truyện đã khiến Nguyễn Du phóng tác tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân.

2.- Câu hỏi của Thúy Kiều và báo biểu của Đạm Tiên :

Sau ngày vui Lễ Hội, sau cuộc giáp mặt giữa Chết (Đạm Tiên) và Sống (Kim Trọng) , sau lần họa thơ, Kiều buồn rầu, than van, tự hỏi : *“Đoạn trường là số thế nào, Bài ra thế ấy vịnh vào thế kia !?”*. Câu hỏi đó, nàng không trả lời và cũng chẳng thể trả lời. Câu hỏi đó lại do thần Chết - Đạm Tiên- trả lời cho nàng, 15 năm sau, lúc nàng thiêm thiếp được vãi Giác Duyên vớt lên từ sông Tiền Đường : *“Đoạn trường số rút tên ra, Đoạn trường thơ phải đem mà trả nhau, Còn nhiều hưởng thụ về sau, Duyên xưa đây đặn phúc sau đời dào”*. Vừa trả lời vừa cho biết cuộc sống của Kiều từ nay. Sao là Đạm Tiên mà không là ai khác ? Sao không là Vãi Giác Duyên, Sư Tam Hợp hay một thiên sứ trên trời ? Đạm Tiên là hình ảnh cuộc đời đau khổ. **Chính cuộc đời trả lời cho Kiều.** Cuộc đời báo biểu cho Kiều biết mọi đau khổ của đời nàng chấm dứt từ nay và mọi vắn thơ đau khổ (do nàng đã họa với Đạm Tiên trong cơn chiêm bao gặp Đạm sau ngày Hội Thanh Minh) tức mọi sự việc gây khổ cho nhau giữa mọi người, mọi trang đời, mọi trang lịch sử khổ đau của nhân loại đã trút đổ lên nhau, từ nay chấm dứt, từ nay xóa sạch và những gì đã có bị mất đi (với Kiều là gia đình, tình yêu) , cái ‘duyên’ xưa ấy nay trở về đầy đủ như thủa ban đầu và từ nay trở đi là hạnh phúc dồi dào, cái hạnh phúc cùng lúc ‘có trong không’ và ‘không trong có’. Do đâu ? Do biết *“trăm năm để một tấm lòng từ nay”* như Kiều ngay giữa cảnh *“Lỡ làng nước đục bụi trong”*. Đây là

SỐ 65

cái ‘giá chuộc’ tất yếu nằm trong ‘luật bù trừ’ (loi de compensation) của Lê Đạo.

Hiểu ĐTTTT là tác phẩm tư tưởng, thì đoạn trả lời của Đạm Tiên cho câu hỏi của Thúy Kiều cho thấy cái chốn sẽ về, cái nơi sẽ đến của cuộc sống thế gian, của cõi hiện hữu đầy đầy đau khổ, tang thương. ***Diễn tiến lịch sử nhân sinh sẽ đến thời kỳ cáo chung đoạn trường để tất cả những gì tốt đẹp đã mất đi*** (cái Tự thể, Tính thể, Đạo thể) ***sẽ lại phục hồi nguyên thể và cuộc sống sẽ là hạnh phúc miền viễn tròn đầy.*** Đây là điều mà Phật đã bảo *“Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn”*. **‘Bến’** (ngạn) là bến bờ đoàn tụ, yên vui, nơi ta về an trú sau cuộc hành trình gian nan mệt mỏi. **‘Bến’** theo nhà Phật là **Bến Giác**, lúc ta giác ngộ, tinh thức (conscience éveillée) , thoát khỏi mọi vô minh, mê huyền để tự tại với chính ta, giải thoát ta khỏi mọi phiền não, mê muội, khổ đau do cái ‘Tâm phân biệt’, do bao cái ‘chấp’ từ cái ‘ái kỷ, ái hữu’, cái ‘tham ái’ nơi ta. **‘Bến’**, hiểu trong câu truyện là ‘bến bờ hạnh phúc, yên vui’, giữ sạch hết mọi nghiệt ngã, oan khiên do cuộc đời và do từ ta. Nhưng muốn đến được bến bờ hạnh phúc đó, ta phải **‘hồi đầu’**, phải quay đầu nhìn lại cái quá khứ xa xưa, nơi đây là trở về với cái Cội Nguồn nguyên khởi, trở về với Ngôi Nhà Hằng Thể (la maison de l’Être) tức cái Quê Hương tình mộng ban đầu của muôn đời thi sĩ mà ta đã một lần ra đi để mãi mãi phải đắm chìm trong mê cung, ảo hóa : *“Kể từ lạc bước bước ra, Tấm thân liệu những từ nhà liên đi”* (nơi câu truyện, ‘nhà’ là ngôi nhà cha mẹ của Kiều, trên mặt tư tưởng, ‘nhà’ nơi đây là ‘ngôi nhà hằng thể’, là quê hương, tổ quốc, là Đạo Thể ban sơ). Cái ‘Bến bờ hạnh phúc’ đó là Cõi Vô Sở Trụ của Thể tính

29

Chân Như, là cảnh Vườn Địa Đàng của con người, là Tổ quốc, Quê hương sẽ trở về với con người, với nhân loại sau dọc dài phiêu lưu nơi miền Kiều địa (cõi thế gian), nơi Đất khách, Quê người nói theo M. Heidegger : *‘Tổ quốc, Kiều địa, Cô hương’* (Patrie-Colonie-Sol natal). Cảnh sống của Kiều sau khi ‘sống lại’ càng bội phần đẹp đẽ hơn 15 năm trước vì không còn vương mắc chút nào ưu tư, buồn phiền, nghi ngại. Cảnh sống bây giờ chính là trạng thái ‘Hữu Du Niết Bàn’, cảnh ‘Nước Thiên Đàng’ tức miền Cổ Quận thân thương cao đẹp hơn trước nhiều, vì bao hành trang tích tụ nơi miền Kiều địa sẽ là điều kiện dựng xây Ngôi Nhà Hằng Thế huy hoàng rạng rỡ hơn xưa, có nghĩa cái Tâm toàn vẹn đối với mình, với người, với tạo vật.

Nhưng tại sao phải *‘quay đầu mới thấy bến?’*. Tại vì cái Cội Nguồn nguyên thể, cái Ngôi Nhà Hằng Thế đó luôn dịch chuyển về tương lai để con người luôn luôn với bất, luôn luôn vọng về, hồi phục lại cảnh Quê Xưa. Nói theo M. Heidegger là *‘Quá khứ của bình minh trong ngày tới của tương lai’* và *‘Bồi Tiếng gọi* (của Lê Đạo) *từ một Nguyên sơ thăm thẳm, một miền Cổ quận được hoàn trả cho chúng ta’* (‘Le jadis de l’aurore dans le futur de l’avenir – Par l’appel en une loitaine Origine, une terre natale nous est rendue’). Do đó mà có Tiến hóa. Nguyễn Du đã nhìn ra điều đó, muốn nói đến điều đó qua tác phẩm phóng tác của mình khi cho thần chết Đạm Tiên trả lời câu hỏi của Thúy Kiều. Nguyễn Du đã nhìn ra điều đó trước M. Heidegger những trên 150 năm.

3.- Chân lý và kinh nghiệm tại thế qua ‘bài giảng’ của Tú Bà cho Kiều :

Một điều quan trọng nữa trong tác phẩm là bài học của chủ động mãi mãi Tú Bà dạy Kiều cũng là dạy cho chúng ta, dạy cho tất cả mọi người bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào, Đông Tây kim cổ. Huấn luyện cho Kiều sành nghề gái đi, Tú Bà đã nêu ra những chân lý của cuộc sống thế gian. Xin hãy nghe lời dạy cũng xin đôi dòng diễn giải.

* Trước tiên, khuyên Kiều không nên đại dột hủy mình, tự nêu ra hai chân lý :

Chân lý thứ nhất : *‘Một người dễ có mấy thân’*.

‘Thân’ là tám thân xác, cái hình hài sắc tướng, cái cấu trúc xác thân của hiện thể. Thân xác chỉ có một, chỉ có một lần, một lần trọn vẹn, không ai có hai thân xác. *‘Tôi là thân xác của tôi’* (je suis mon corps), đây là quan điểm ‘Hiện tượng luận’ của Merleau Ponty. Nào ai chối cãi ?

Theo tôn giáo, tám thân là nơi trú ngụ của đấng Tối Linh, là điện đài của Chúa. Ta phải lo lắng bảo trọng nó, không được hủy diệt nó, không được để nó bị bệnh tật, tật nguyên và bắt buộc kẻ khác phải tôn trọng nó. Cuộc tranh đấu mưu sinh thường ngày không phải để lo cho tám thân sao ?

Bệnh tật, giam cầm, tra tấn, hành hạ,... đều là thù nghịch với tám thân. Không có tám thân xác thì không ‘sống’, từ đó không có những thứ gọi là Tự do, Nhân phẩm, Nhân quyền. Quyền đầu tiên của con người là quyền ‘an toàn thân mạng’. Tám thân xác là nơi gìn giữ, nuôi dưỡng mọi khả năng, giá trị của con người cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Tám thân xác không là thứ hàng hóa bán buôn, không là phẩm vật để tiêu dùng.

Tâm quan trọng của thân xác cùng cái *‘tinh thân xác’* (la corporéité) đối với cuộc sống, trước Nguyễn Du cả mấy nghìn

năm, văn hóa Ân Độ, Trung Hoa, cả vùng cựu Hy Lạp, Assyrie, Babylone, Ai Cập,... hầu như chưa có ai, chưa có lời nào đề cập ngoài việc xem thường, xem khinh hoặc khai thác thân xác phục vụ chiếm hữu hay để thỏa mãn dục tính của thân xác.

Lão Tử trong Đạo Đức Kinh có nói đến tầm quan trọng của thân xác nhưng cũng chỉ thoáng qua : *‘Ngô dĩ hữu dĩ hoại giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoại?’* (Ta sở dĩ có lo vì ta có thân. Nếu ta không thân, ta sao có lo).

Về mặt này, Nguyễn Du đã đi trước thời đại, vì hơn 150 năm sau ngày ông mất, Triết lý phương Tây mới nêu thành vấn đề trầm trọng (thuyết Hiện sinh) nhưng rồi lại khai thác cái ‘tính thân xác’ phục vụ cho kinh tế, thương mại, cho sở thích cảm giác mạnh, cho dục vọng nhục thân bằng mọi kỹ thuật tập luyện, trau dồi, tuy có lên án những hành động bạo hành, diệt chủng.

Chân lý thứ hai : *‘Người còn thì của mới còn’*.

‘Người’ nơi đây là tấm thân xác. ‘Của’ nơi đây vừa là của cải vừa là cuộc sống. Tấm thân xác có còn thì mới còn cuộc sống. Nào ai sống mà không có tấm thân. Tất cả mọi sinh vật đều sống do từ tấm thân của chúng. Tấm thân có còn, cuộc sống có còn thì mới còn của cải, vì tấm thân là thứ của cải đầu tiên con người sở hữu, thứ của cải làm nên mọi của cải dù vật chất hay tinh thần. Có ai chối cãi điều này ? Dĩ nhiên Tú Bà khuyên Kiều đừng hủy hoại tấm thân để mưu lợi nhuận do tấm thân Kiều đem lại. Riêng với Kiều, có lẽ nàng còn nghĩ đến gia đình (cha mẹ và hai em) và người yêu, đây cũng là những thứ ‘của cải’ quý giá của cuộc sống con người.

Và khi mưu đã hủy bỏ được cái ‘*hợp đồng tiểu tình*’ (làm vợ bé chồng mưu) đã thỏa thuận với Mã Giám Sinh, mưu bắt Kiều ký một hợp đồng mới với mưu, hợp đồng *‘chút lòng trinh bạch từ sau cũng chưa’*, mưu bèn huấn luyện cho Kiều qua những chân lý tiếp theo.

Chân lý thứ ba: *‘Nghề chơi cũng lắm công phu, Làng chơi ta phải biết cho đủ điều’*.

Nghề chơi, theo câu truyện là nghề làm điếm, nghề rước khách tìm hoa, nhưng cách nói của Nguyễn Du không giới hạn ở đây.

Trước tiên, nghề chơi, nghề để chơi, nghề phục vụ cho vui chơi vì đời là hí trường, là cuộc chơi, mỗi nghề là *‘một trò chơi của thế giới trong thế giới của cuộc chơi’* (un jeu du monde dans le monde du jeu). Đi vào cuộc đời là đi vào trò chơi lớn, mỗi người phải có một nghề chơi để chơi với cuộc đời. Nghề chơi nơi đây không chỉ riêng là công việc làm kiếm sống hàng ngày theo kiểu *‘lao động là vinh quang’* hay *‘có làm mới có ăn’* mà hiểu rộng hơn là cái khả năng, cái tính chất, cái năng khiếu chuyên biệt của từng người hoặc do thụ bẩm (năng khiếu) hoặc do công phu trau dồi, học tập (trường dạy nghề) hoặc do huấn tập trong trường đời, trong đấu tranh với xã hội (kinh nghiệm, thói quen) trước tiên để nuôi dưỡng tấm thân, sau đó tạo nên nhiều thứ khác (giàu sang, địa vị, chức vụ, danh giá, quyền uy,...).

Cuộc đời bắt buộc mỗi người phải có một ‘nghề chơi’ : nghề làm ruộng, nghề nấu ăn, nghề thủ công, nghề buôn bán, nghề hút tóe, nghề thể thao, nghề dạy học, nghề làm phim ảnh, nghề viết sách, nghề in ấn, nghề làm báo, làm nhạc, vẽ tranh, nghề kiến trúc, nghề làm chính trị, kinh tế, nghề nghiên cứu khoa học, ..., kể cả nghề đi tu.

Có những nghề mà xã hội, đạo đức, pháp luật cấm đoán: nghề ăn trộm, ăn cướp, nghề ăn xin, nghề đâm thuê chém mướn, nghề cờ bạc, nghề mãi dâm,...

Nghề chơi nào cũng qua tấm thân xác cho dù là nghề trí tuệ. Nhưng đã gọi là ‘nghề’ thì ít nhiều phải có chuyên môn. Không chuyên môn thì không thể gọi là nghề mà chỉ là công việc làm phứt chốc. Mà chuyên môn thì đòi hỏi kỹ thuật. Kỹ thuật nơi đây bao gồm đủ mọi thứ: khéo chân, khéo tay, khéo mồm mép, khéo mánh lối, khéo thủ đoạn, khéo mưu trí, khéo vận dụng, bố trí, sắp đặt, khéo biết dùng vật liệu, phương tiện, khéo biết chọn thời điểm, thời cơ, khéo tính toán được sở thích, thị hiếu của làng chơi, khéo tiên đoán được nhu cầu, khéo nhìn ra được vận hành diễn biến của sự việc, sự vật, khéo chế tạo ra những thứ mới,... Mọi cái khéo đó phần lớn do công phu học tập hoặc do kinh nghiệm hoặc qua các trường dạy nghề, các trường kỹ thuật. Kỹ thuật càng cao, nghề chơi càng tuyệt nghệ thì càng dễ dàng kiếm được nhiều lợi tức, càng dễ có nhiều hợp đồng làm ăn cao giá. Một cầu thủ bóng tròn hay giỏi ngày nay chẳng đã được bao thuê cả hàng chục triệu mỹ kim. Vì thế, nghề chơi nào cũng lắm công phu.

Tú Bà đã áp dụng sắc sảo điều này. Mụ đã biến tấm thân xác sắc tướng ù lì của Kiều thành công cụ thật thành, đủ ‘vành trong, vành ngoài’ để cái ‘tính công cụ’ (outilité), cái ‘tính phục vụ’ (servilité) nơi Kiều phát huy đến cùng độ hiệu quả, để chơi cho ‘lăn lóc đá’ hầu làng chơi đến phải ‘mê

mắn đời’. Nếu chỉ gàn gàn, dở dở, ương ương thì chẳng được tích sự gì, còn bị đánh giá là không sành điệu, không tận tình, không triệt để, không lành nghề, không thượng thặng, không tuyệt tác, không vô địch, không siêu quần bạt chúng, chẳng ai khen mà còn bị coi thường, khinh khi và khó lòng tìm được lợi nhuận. Nhậ nhệ, cờ bạc, đạo chích, đi buôn, mãi dâm,... và cả những nghề lương thiện cũng vậy.

Và Làng chơi là cái địa bàn hoạt



Một trong 30 bức tranh của họa sĩ Tú Duyên được dùng trong phim Kim-Vân-Kiều

động của nghề chơi, hay nói có vẻ kinh tế chính trị hơn là thị trường tiêu thụ nghề chơi. Trong làng chơi không hẳn ai cũng giống nhau. Sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tính tình khác nhau, điều kiện khác nhau, môi trường khác nhau,... nghề chơi theo đó phải thay đổi cho phù hợp với khách mộ điệu, với làng chơi. Kẻ nào biết rõ tâm lý, sở thích, nhu cầu của làng chơi mà sử dụng nghề chơi của mình thật kỹ lưỡng, đúng lúc, hợp thời, biết thay đổi ngón nghề chơi thì mới là ‘người soi’

CỎ THOM

và nghề chơi của mình mới thành công rực rỡ, mới hái ra tiền, mới lẫy lừng danh tiếng. *‘Làng chơi ta phải biết cho đủ điều’* là như vậy. (Đáng thương cho những kẻ không có nghề chơi thập thành và những kẻ dù nghề chơi tuyệt kỹ nhưng lợi ngược dòng, không phù hợp với làng chơi thời đại nên luôn bị phản bác, đả phá, không được làng chơi hưởng ứng nên cô đơn, nghèo khổ.) . **Mỗi người phải có một ‘nghề chơi’ nhưng đồng thời cũng là ‘làng chơi’ của nghề chơi của kẻ khác.**

Nhưng cuộc đời vốn không giản dị. Làng chơi luôn thay đổi sở thích, thay đổi môi trường, càng lúc thời trang càng đổi mới, bắt buộc nghề chơi phải thay đổi ngón nghề cho phù hợp. Từ đó, *‘nghề chơi ví đuôi hươu làng chơi’*, và ngược lại *‘làng chơi cũng ví đuôi hươu những nghề chơi mới’* để cả hai không bị đánh giá là lạc hậu, tụt hậu, thoái hóa, không bắt kịp trào lưu, không tương ứng với thời đại.

Nghề chơi, Làng chơi quan hệ nhau khăng khít. Xã hội nhân loại từ xa xưa đến nay -đến nay càng rõ rệt hơn- chẳng đã áp dụng cái chân lý qua hai câu thơ trích trên của Tú Bà huấn nghệ cho Kiều sao? Các nhà kỹ nghệ, kinh doanh tư bản ngày nay còn hơn hẳn Tú Bà, còn tạo ra vô số nghề chơi và làng chơi mới, để cả xã hội ví đuôi hươu mọi thứ tân kỳ theo cái vận tốc cơ năng của kỹ thuật và tiền bạc của dạng Tư hữu, Chiếm hữu thị trường. Cứ xem những phương tiện giao thông (xe hơi, máy bay, tàu bè), phương tiện truyền thông (điện thoại, cell phone, internet, Ipad, Iphone, window,...), vũ khí cùng phương pháp chiến tranh (vô số máy bay, tàu chiến, hỏa tiễn, súng, bom, cả internet, ;,°, dụng cụ nhà bếp, cách thể sản xuất, thương mại (các

SỐ 65

món ăn, các thứ rượu, các thứ sơn phấn, cách thức điểm trang,...), kể cả các trò chơi thể thao, trò chơi cho trẻ con,... tất cả nhiều vô kể, mỗi ngày một mới khiến con người ví đuôi hươu, chạy đua săn tìm phương tiện mới. Mượn cách nói của Tú Bà, Nguyễn Du đã nhìn ra diễn tiến hồi hã của xã hội nhân sinh, đây không là *‘cái nhìn của Nguyễn Du về mặt tư tưởng’* sao?

Chân lý thứ tư: *‘Người ta ai mất tiền hoài đến đây’*.

Ai chịu bỏ tiền mua một vật dụng tồi? Ai bỏ công đi xem nhiều lần một vở hát không ra gì, một trận bóng đá quá tệ, một buổi trình diễn ca nhạc mà nghệ sĩ không mấy gì tên tuổi? Cửa hàng mù Tú Bà *‘xôn xao oanh yến, dập dìu trúc mai’* là do những gái đi thập thành như Kiều đã biết *‘vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi’*, cuốn hút được khách làng chơi *‘trăm nghìn đở một trận cười như không’* kiểu Thúc Sinh.

Làng chơi không thể vung tiền phí phạm với những nghề chơi chẳng ra gì. Một ca sĩ nổi tiếng được mời hát hết nơi này đến nơi nọ vẫn cứ đông người nghe, vẫn bán hàng loạt đĩa hát; một đội cầu nổi danh chơi khắp nơi vẫn đông khán giả, một cuốn phim hay chiếu đi chiếu lại vẫn đông người xem,... Ai cũng như ai, *‘người ta ai mất tiền hoài đến đây’*, ai cũng thế cả, tất cả đều giống nhau như đúc về mặt này.

Cái ‘chân lý’ này dễ hiểu. Vì thế nên phát sinh các ngón nghề cạnh tranh kỹ thuật, cạnh tranh thương trường, cạnh tranh giá cả, thời trang, cách tiếp tân càng lúc càng phát triển. Và cách thế, phương pháp quảng cáo càng lúc càng xảo thuật, tình vì cuốn hút người tiêu thụ cùng cạnh hợp đoàn, hợp phái tán tụng, tăng bóc nhau để làng chơi chú ý.

33

Chân lý thứ tư này là kết quả của ba chân lý trước. Nào ai không tán đồng ?

4.- Kinh nghiệm sống qua lời Tú Bà:

Ngoài bốn chân lý trên, Tú Bà còn dạy chúng ta thêm hai kinh nghiệm quý báu khác, cần thiết cho làm ăn sinh sống, cho giao du tiếp xúc hàng ngày :

- *Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề*
- *Nỗi đêm khếp mở, nỗi ngày riêng chung.*

‘**Vành chung, vành ngoài, bảy chữ, tám nghề**’, giới hạn nơi câu truyện là những thủ thuật chiêu khách và làm tình của gái điếm sao cho cả mình và cả khách ‘*liều chán hoa chê*’ trong cùng độ khoái lạc đến ‘*lăn lóc đá, mê mẩn đời*’.

Nhưng Nguyễn Du không giới hạn nơi câu truyện. Mượn lời Tú Bà, Nguyễn Du đề cập đến những gì xa xôi hơn. **Bảy chữ, tám nghề** là những cách thức, phương pháp, mảnh khõe kỹ thuật áp dụng. **Vành trong, vành ngoài** ám chỉ cả bên ngoài, bên trong của đối tượng và chủ thể. Lấy thí dụ trong tình yêu : Vành trong : lời lẽ, thư từ tán tỉnh, cử chỉ âu yếm, chiều chuộng,...Vành ngoài : mua chuộc cảm tình của cha mẹ, anh chị em người yêu, quà cáp, biếu xén,... (xin không nói nhiều để tránh dài dòng). Trong nghiệp nghề tình báo, người viết nghĩ ‘vành trong, vành ngoài’ hẳn được áp dụng một cách tinh vi. Những kẻ chuyên môn lừa gạt, chắc cũng thế. ‘**Nỗi đêm, nỗi ngày**’ : từng lúc, từng thời điểm, từng đối tượng, từng trường hợp mà xuất xử cho phải đường, phải lối mà áp dụng vành trong vành ngoài cho hợp thời, hợp cảnh, hợp lẽ, hợp tình. **Biết khếp, biết mở, biết riêng, biết chung** đúng lúc, đúng thời, ‘*con người soi*’ trong ‘nghề chơi’ của mình phải như vậy. Đây là những ‘điều

hay’, những ‘*nghề nghiệp nhà*’ mà không nắm vững, không thi thố đúng mức, đúng thời thì làng chơi không mấy thích, không mấy chuộng, không chịu ‘*mất tiền hoài*’ đến với ta.

Lời Tú Bà khác nào với những lời khuyên đức lý về cái khôn ngoan thông thường ở đời : *tri kỷ tri bỉ, nhập gia tùy tục, đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy*,... Bài học cho cuộc sống thường ngày chẳng vậy sao ? ‘*Khếp mở, riêng chung*’, đây là những phạm trù, mỗi chúng ta ai không sống, không gặp ? Dù đôi ngay với vợ, với chồng, với mẹ cha, con cái, bạn bè thân sơ, với người lớn kẻ nhỏ, kể cả với tri âm, tri kỷ..., phần nào nên khép kín, phần nào nên mở phơi, phần nào nên giữ lại, phần nào nên giải bày.

Trong cuộc giao du, tiếp xúc, làm ăn, chúng ta đã chẳng phải bao lần khôn ngoan hay bị bắt buộc phải tỏ ra tế nhị, lịch sự trong lời ăn, tiếng nói, trong thái độ, hành vi đối với nhau. Bao lần ta phải giữ lời, giữ kẽ, phải biết tự hạn chế, phải chịu nhịn, phải biết ‘hy sinh’ dù cái hy sinh nhỏ bé nhất trong một cái bĩu môi, liếc mắt, nụ cười hay lời qua tiếng lại. Bởi vì ‘*niềm thâm thông (giao cảm) là một thiết cận nghịch lý*’ (la communication est ce rapprochement paradoxal – Karl Jaspers), tại vì ‘*mà trong lẽ phải có người có ta*’ (Kiều), bởi thế nên ‘*lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*’. Bộc lộ hết ra, mọi người không mấy thích ; giữ hết lại cho mình, thiên hạ cũng không mấy ưa. Biết sao ?! Phải kín kín hở hở mới vừa thế gian. Ngôn ngữ Nguyễn Du trong ĐTTT kín kín hở hở như vậy đây. Không riêng Nguyễn Du, Thích Ca cũng thế, Jésus cũng thế. Không kia, Trang nọ cũng cùng một điệu như

nhau. Vì thế nên mới có nào ngụ ngôn, trùng ngôn, dụ ngôn, nào ví dụ, ẩn dụ, siêu thực, tượng trưng... Cuộc đời là nhu thế đây. Làm sao? Khi người người không mấy tin nhau, không thành thật với nhau, còn mãi mãi lo tranh hơn thua, chiếm đoạt lẫn nhau, còn là nghề chơi và làng chơi của nhau thì buộc lòng phải *'khep mở, riêng chung'* từng nơi, từng lúc để mình khỏi bị thiệt, để người khỏi bị đau, để cả hai bên bốn bề cùng có lợi, nói theo ngôn ngữ ngoại giao ngày nay.

Bốn chân lý và hai kinh nghiệm trên cho thấy Tú Bà không chỉ giữ vai trò quan trọng đưa con gái nhà lành vào lầu xanh mà trở thành *'phát ngôn viên'* của lẽ sống tại thế của xã hội loài người. Nguyễn Du đã mượn qua lời nói của chủ động mãi dâm dạy nghề làm đi để bóng gió, xa gần phản ánh mặt thực của cuộc sống thế gian hầu từ đó nói đến một cái gì xa xôi hơn.

Tất cả những điều vừa nói, những sự việc được nêu ra như trên, theo người viết, đủ chứng tỏ ***'Đoạn Trường Sở Rút Tên Ra'*** là một tác phẩm tư tưởng

Nguyễn Du đã mượn qua câu truyện để nói lên cái *'vận hành dịch hóa'* của nhân sinh (lịch sử đau thương tại thế) khởi từ đâu (từ tên bán tơ vô danh, từ sự việc nhỏ nhặt, vô nghĩa, không lý do, không bằng cớ - vu oan cho Vương Ông; chẳng khác ông Thượng Đế hay Đạo Thế đã chơi trò trớ trêu tạo dựng nên Sự Sống cùng vũ trụ hiện tượng), dẫn về đâu (đoạn trường sở rút tên ra) sau dọc dài lệ máu đã gây ra cho nhau (những trâm luân của Kiều và những 'chân lý tại thế' qua lời Tú Bà). Dòng diễn biến đời Kiều cũng là dòng diễn tiến tiến hóa của nhân sinh, ý nghĩa cùng cứu cánh cuộc sống, cuộc đời, diễn tiến của lịch sử chủng

SỐ 65

loại người qua đau thương tang tóc dẫn về chấm dứt đau khổ và Tài cùng Mệnh không còn ghét ghen, đố kỵ mà hài hòa với nhau ('chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai') để chung loại người bước vào một bờ bến mới (đáo bỉ ngạn). Điều này, trước nay, chúng ta chưa mấy để ý.

Nguyễn Du nhìn ra cái ý nghĩa mới của đau khổ (từ Cự thanh sang Tân thanh) qua cái hiện thực trầm thống của nhân gian (cuộc đời Kiều), từ đó báo biểu cái thời điểm *'Đoạn trường sở rút tên ra'* không cho riêng Kiều mà cho chung con người và nhân loại. Vì thế, tác phẩm miêu tả một truyện buồn với lời thơ buồn nhưng lại mang chở một niềm vui, cái tiếng vui lảng đãng cặp kè dòng hiện hữu trớ trêu.

Suy nghĩ như thế, ta mới nhận ra *'ĐTTT là một tác phẩm tư tưởng'* không riêng của dân tộc ta mà chung cho nhân loại nghĩa là chung cho cuộc hiện sinh nhậy nhụa, trớ trêu của dòng đời nơi cõi thế để đến một ngày mọi nhậy nhụa tang thương không còn nữa.

Suy nghĩ như thế, ta mới thông cảm cái tâm sự bù ngùi, lê thê, u ầu, dằng dặc nơi Nguyễn Du, từ ngày ở đất Bắc đến lúc về dưới chân Hồng Lĩnh, ngao du suốt 99 ngọn núi này, lúc đi săn ở núi Hồng (Hồng Sơn liệt hộ), lúc đi câu ở biển Nam (Nam Hải điều đồ) nón mê chân trần, hay lúc ra làm quan với triều Nguyễn, lạng lẽ, âm thầm, không bàn quốc sự mà cứ tìm cách xin nghỉ, cho đến lúc ốm không chịu thuốc thang, lúc chết không một lời trần trối, cái tâm sự của kẻ *'thiên tuế trường ưu vị tử tiên'*.

Suy nghĩ như thế, ta mới nhìn ra thiên tài Nguyễn Du, mới thấy Nguyễn Du đi trước thời đại, mới thấy nổi cô đơn suốt mặt của thiên tài không hẳn vì cảnh sống nghèo

35

nàn, vì công danh trắc trở, vì dòng họ suy tàn, vì bất đắc chí, vì sinh bất phùng thời, vì xót thương cho hồng nhan bạc phận cũng không vì thiếu tri kỷ, tri âm. Nỗi cô đơn của Nguyễn Du là nỗi cô đơn của người tư tưởng, con người luôn ước ao cuộc sống chung của xã hội, của toàn nhân loại luôn luôn hài hòa, hảo hợp, yên vui : **“Một trời trăng sáng ý tâm đồng, Vạn dặm sơn hà chính khí chung”** (“Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại, Vạn lý hà sơn chính khí đồng” – câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du).

Suy nghĩ như thế, ta mới thấy vận hành lịch sử của nhân sinh, cái thời điểm lịch sử chấm dứt đoạn trường sau cả dọc dài truân chuyên gây đau khổ, tội lỗi cho nhau, cái vận hành lịch sử mà Thích Ca, Jésus và M. Heidegger đã nói.

Nhân loại đang đau thương cùng cực, đang trầm bệ vạn mối ngổ ngang, đang bị phá sản đủ mọi bề, đang vào thời kỳ mạt pháp. Nhân loại đang trong cơn đùng đầu lịch sử của vận hành nhân thế với vận hành của Tiếng Gọi từ nguyên sơ (vận hành của Đạo Thể, của Lễ Đạo), đùng đầu lịch sử của Biệt nghiệp từng người, từng dân tộc, quốc gia với cái Cộng nghiệp chung của chủng loại người (cái ‘hoạn nạn lớn từ khi mới có trời đất đến bây giờ chưa từng cỡ’ - Tin Lành Mathieu đoạn 24, câu 21). Cuộc đùng đầu lịch sử đó sẽ lẫm tang thương, gây đổ nhưng để dẫn đến thời điểm *“túc khiến đã rửa láng láng sạch rồi”* hầu *“đoạn trường số rút tên ra”* để mở ra *‘Chân trời hào quang tinh thể’* (ouverture de l’horizon de l’Être – M. Heidegger) trong giờ *‘Muôn vật đổi mới’* (lời Jésus), giờ *‘đáo bỉ ngạn’* (lời Phật), giờ thiết lập một Thượng Nguyên cho khắp cõi nhân quần. **Nhân loại già nua, nhân loại trẻ lại, giờ**

36

phút hồi sinh hay phục sinh của con người, của nhân loại, miễn là biết ‘hồi đầu thị ngạn’ vì **“Phúc họa đạo Trời”** nhưng **“Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra”**. Đây là cái **‘Tiếng Vui’** gùn ghè, cận lập, quanh quẩn xa gần bên *‘nỗi buồn tại thế’* của nhân sinh.

Ôi Nguyễn Du ! Xin mượn phép chia xẻ nỗi cô đơn của Người dù mức độ đạo lý và đạo tâm chưa đủ để hiểu được Người. Chỉ xin đọc thơ Người để nhận ra *“Niềm vui Lễ Đạo đong dựa đường trần”* (Trần Minh Xuân), cái Tiếng Vui xa mà gần, mơ màng, bàng bạc dần trải mệnh mang nơi cảnh đời tại thế trắc trở thương đau. Tiếng Vui đó chập chờn ẩn hiện qua Tiếng Thơ của Người, cái Tiếng Thơ đã âm ỉ nơi tâm thức người Việt Nam qua bao thế hệ và sẽ mãi mãi ngân vang không riêng nơi người Việt mà khắp cùng thế giới, dặt dìu nhân loại *‘đồng quy nhi thù đồ’* (lời đức Khổng) bởi *“Ngài sẽ lau ráo hết nước mắt khỏi mắt chúng, sẽ không còn sự chết, cũng không còn than khóc, kêu ca hay là đau đớn nữa, vì những sự thứ nhứt đã qua rồi”* (Khải Huyền 21, 4). (Xin xem đoạn thơ của Victor Hugo trong bài trước nơi Cỏ Thơm số 62 – Xuân 2013).

Lời Người –ôi, Nguyễn Du của Việt Nam và của nhân loại ! - sẽ mãi ngân vọng nơi chúng sanh khôn khổ, đau thương để trong cái *‘thế dạ nhân hoàn’* (obcurcissement du monde), vẫn nhìn ra Tiếng Thơ của Người trong từng nhịp đập con tim :

-Tiếng xưa còn vắng lời tâm sự

Thấp sáng trên đầu sông núi đen.

(nt : Gửi người Em Việt Nam)

Trévoux, France tháng 9/2000

nt

CỎ THƠM

Thương Mãi Nắng Chiều

Xa người tim thất quận đau
Giã từ câm lặng lòng sầu khôn nguôi
Giờ đây xa các phương trời
Nửa vòng trái đất người ơi ngàn trùng
Cổ ghìm mắt lệ rưng rưng
Lam sao ngăn được tim rung dạt dào
Yêu người người có biết đâu
Triển cao núi dựng biển sâu ngăn rồi
Quãng đời còn lại ngắn thôi
Tình như giấc mộng bồi hồi khói sương
Xui chi một gánh can trường
Một lần gặp gỡ vấn vương thế này
Đoạn trường vương lấy từ đây
Tình yêu phút ấy ngập đầy trong tim
Bên trời một dấu chân in
Cuối đời nửa mảnh chân tình dậy hương
Nắng chiều chẳng nhạt nhớ thương
Mưa trưa chỉ sợ trăm đường khổ đau.

Kiều Anh (Minnesota)



Bài Thơ Và Bông Hồng

Anh gửi tặng em làm quà Sinh Nhật
Một bài thơ với một đóa hoa hồng
Bài thơ tình Bên Bếp Lửa mùa Đông
Mong sưởi ấm những đêm dài đơn lẻ!

Tình đơn độc, âm thầm và lặng lẽ
Như cuộc đời của hai kẻ yêu nhau
Kẻ độc hành nước mắt chẳng ai lau
Đời tị nạn tìm quên trên đất Mỹ!

Mới đó đã non phần tư thế kỷ
Và chúng mình hai đứa đã có nhau
Với niềm vui bên cạnh những nỗi đau
Đời tị nạn tháng ngày qua quạnh quẽ!

Chợt hối tiếc mình không còn son trẻ
Để bắt đầu... để làm lại cuộc đời
Nhưng mùa Thu cũng đẹp lắm em ơi
Đừng hoang phí! Xin em đừng hoang phí!

Hãy tận hưởng những gì mình đang có
Những niềm vui ôn kỷ niệm hôm nay
Trộm bông hồng gai xước máu đầy tay
Ôi thuở ấy, vườn em,... anh lạc lõng!

Hồ Công Tâm

October 31, 2013